

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC**

**NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT**  
**VÀ SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**  
**TỈNH LÀO CAI**

**Mã số: ĐH 2017 – TN08 - 04**

**Chủ nhiệm đề tài: TS. Nguyễn Thanh Minh**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2019**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT**  
**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC**

**NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT**  
**VÀ SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**  
**TỈNH LÀO CAI**

**Mã số: ĐH 2017 – TN08 - 04**

**Xác nhận của tổ chức chủ trì**

**Chủ nhiệm đề tài**

**TS Nguyễn Thanh Minh**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2019**

**DANH SÁCH NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ  
TÀI VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH**

**I. DANH SÁCH NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU  
ĐỀ TÀI**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn</b>
1	TS Nguyễn Thanh Minh	Trường ĐH Kinh tế và QTKD - Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, Khoa Quản trị doanh nghiệp
2	ThS Trần Xuân Kiên	Trường ĐH Kinh tế và QTKD - Giảng viên Bộ môn Quản trị doanh nghiệp, Khoa Quản trị doanh nghiệp
3	ThS Nguyễn Văn Thông	Trường ĐH Kinh tế và QTKD - Giảng viên Bộ môn Kinh tế và phát triển nông thôn, Khoa Kinh tế
4	ThS. Nguyễn T Như Trang	Trường ĐH Kinh tế và QTKD - Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, Khoa Quản trị doanh nghiệp
5	ThS. Nguyễn Thị Hương	Trường ĐH Kinh tế và QTKD – Cán bộ phòng Quản lý khoa học và công nghệ
6	ThS La Quý Dương	Trường ĐH Kinh tế và QTKD - Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh tổng hợp, Khoa Quản trị doanh nghiệp

## II. DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

<b>Tên đơn vị trong và ngoài nước</b>	<b>Nội dung phối hợp nghiên cứu</b>	<b>Họ và tên người đại diện đơn vị</b>
Trường ĐH Kinh tế và QTKD thuộc ĐHTN	Hỗ trợ các thủ tục hành chính có liên quan, cho phép sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, hỗ trợ nhân lực cho nghiên cứu đề tài. Đề xuất ứng dụng kết quả nghiên cứu đề tài trong công tác nghiên cứu và giảng dạy tại trường.	TS. Trần Quang Huy Hiệu trưởng
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai	Cung cấp số liệu có liên quan đến các cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư ở tỉnh Lào Cai thời gian qua. Hệ thống số liệu thứ cấp và văn bản của tỉnh Lào Cai về chính sách đặc thù trong thu hút vốn đầu tư	Đại diện lãnh đạo Sở

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	<b>iv</b>
<b>DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH</b> .....	<b>v</b>
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	<b>vi</b>
<b>ĐẶT VẤN ĐỀ</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Mục tiêu đề tài.....	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu .....	3
4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu .....	3
5. Chỉ tiêu nghiên cứu đề tài .....	5
6. Bố cục đề tài.....	7
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ</b> .....	<b>8</b>
1.1. Cơ sở lý luận về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.....	8
1.1.1 Những vấn đề chung về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.....	8
1.1.2 Tác động của cơ chế, chính sách đối với hoạt động thu hút vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư .....	13
1.1.3 Nội dung nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.....	14
1.1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc ban hành cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư .....	15
1.2 Kinh nghiệm thực tiễn xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư của một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Lào Cai.....	24
1.2.1 Kinh nghiệm một số địa phương.....	24

1.2.2 Bài học kinh nghiệm trong xây dựng chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư cho tỉnh Lào Cai.....	31
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2015 - 2017.....</b>	<b>33</b>
2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu.....	33
2.1.1 Vị trí địa lý .....	33
2.1.2 Điều kiện tự nhiên .....	34
2.1.3 Dân cư .....	36
2.1.4 Tiềm năng.....	37
2.2. Thực trạng cơ chế chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư của tỉnh Lào Cai .....	39
2.2.1. Hệ thống cơ chế chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017 .....	39
2.2.2 Các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017 .....	43
2.2.3 Kết quả thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017 .....	55
2.3 Phân tích các yếu tố tác động tới thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai .....	63
2.3.1 Môi trường chính trị - xã hội.....	63
2.3.2 Môi trường đầu tư .....	66
2.4 Đánh giá chung về hoạt động thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai.....	77
2.4.1 Kết quả đạt được .....	77
2.4.2 Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân .....	79
<b>CHƯƠNG 3 ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NHẪM THU HÚT VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ VỐN ĐẦU TƯ Ở TỈNH LÀO CAI ĐẾN 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030.....</b>	<b>82</b>

3.1 Chủ trương và phương hướng trong thu hút vốn đầu tư tỉnh Lào Cai.....	82
3.2. Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai đến 2025 và định hướng 2030.....	83
3.2.1 Nhóm giải pháp thu hút vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai .....	83
3.2.2 Nhóm giải pháp sử dụng vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai .....	85
3.3 Đề xuất, kiến nghị .....	87
3.3.1 Đối với Quốc hội.....	87
3.3.2 Đối với Chính phủ.....	87
3.3.3 Đối với các bộ ngành .....	88
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>89</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>91</b>
<b>Phụ lục 1.....</b>	<b>94</b>
<b>Phụ lục 2.....</b>	<b>97</b>

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Cơ cấu kinh tế tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015-2017 .....	39
Bảng 2.2: Mức hỗ trợ tiền tái định cư khi giải phóng mặt bằng .....	52
Bảng 2.3: Kết quả thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015-2017 .....	56
Bảng 2.4: Cơ cấu vốn đầu tư theo lĩnh vực của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015- 2017 .....	58
Bảng 2.5: Danh mục bổ sung dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2017 .....	59
Bảng 2.6: Tổng hợp kết quả chỉ số PCI của tỉnh Lào Cai .....	60
Bảng 2.7: Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI của Lào Cai năm 2016 - 2017	61
Bảng 2.8: Hiệu quả vốn đầu tư các năm 2015 – 2017 tỉnh Lào Cai (tính giá TT 2017) .....	63
Bảng 2.9: Kết quả đánh giá về chính sách và quản lý nhà nước tỉnh Lào Cai .....	68
Bảng 2.10: Kết quả đánh giá về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tỉnh Lào Cai .....	70
Bảng 2.11: Kết quả đánh giá về vị trí địa lý, tiềm năng lợi thế của tỉnh Lào Cai .....	73
Bảng 2.12: Kết quả đánh giá về nguồn nhân lực của tỉnh Lào Cai .....	75



**DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH****Sơ đồ**

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ thẩm định phê duyệt Dự án đầu tư ở Vĩnh Phúc ..... 25

**Hình**

Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Lào Cai. .... 33

Hình 2.2: Kết quả chỉ tiêu DCI của Lào Cai năm 2017 ..... 62

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

CCHC	Cải cách hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GPMB	Giải phóng mặt bằng
FDI	Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
KCN	Khu công nghiệp
NĐT	Nhà đầu tư
NĐT/DN	Nhà đầu tư/doanh nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
TTHC	Thủ tục hành chính
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
VĐT	Vốn đầu tư
XDCB	Xây dựng cơ bản

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD**

**THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**1. Thông tin chung**

- Tên đề tài: *Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai*

- Mã số: ĐH 2017 – TN08 - 04

- Chủ nhiệm đề tài: TS Nguyễn Thanh Minh

- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học kinh tế & QTKD - ĐHTN

- Thời gian thực hiện: tháng 1 năm 2017 – tháng 12 năm 2018.

**2. Mục tiêu:**

Đề tài phân tích, luận giải về cơ chế, chính sách, các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai đồng thời làm rõ những hạn chế, bất cập, những thách thức đối tỉnh Lào Cai trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư. Từ đó đề xuất với tỉnh Lào Cai xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đến 2025 và định hướng 2030.

**3. Tính mới và sáng tạo**

- Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn, phân tích thực trạng cơ chế, chính sách và các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế.

- Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tỉnh Lào Cai đến 2025, định hướng 2030.

**4. Kết quả nghiên cứu**

- Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế, chính sách và các yếu tố tác động đến thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế

- Phân tích hệ thống chính sách, các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lào Cai trong giai đoạn 2012 – 2017.

- Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách đặc thù và kiến nghị nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tỉnh Lào Cai trong thời gian tới.

## **5. Sản phẩm**

### **5.1 Sản phẩm khoa học**

1. Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Văn Thông, Lương Ngọc Sơn (2018), “Giải pháp và cơ chế, chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư tại huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Kinh tế & Quản trị Kinh doanh*, 07, tr.88 - 94

2. Nguyễn Thanh Minh, Trần Xuân Kiên, Đặng Ngọc Quỳnh (2019), “Tác động của cơ chế, chính sách đặc thù thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, 30, tr.21-26

3. Nguyễn Thanh Minh, Nguyễn Thị Hương, La Quý Dương, Nguyễn Thị Vân (2019), “Giải pháp thu hút và sử dụng vốn đầu tư tỉnh Lào Cai”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 08(201), tr. 177-184.

### **5.2 Sản phẩm đào tạo**

Hướng dẫn Luận văn thạc sỹ:

1. Đặng Ngọc Quỳnh (2019), Quản lý Nhà nước về thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai, Luận văn thạc sỹ quản lý kinh tế, Trường Đại học kinh tế & QTKD – ĐHTN.

### **5.3 Sản phẩm ứng dụng**

Báo cáo khoa học: “Cơ chế chính sách đặc thù nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư ở tỉnh Lào Cai”.

**6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

- Phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập tại các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên.

- Là nguồn tài liệu cho các tổ chức, nhà đầu tư, doanh nghiệp tham khảo để xây dựng cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư, xem xét quyết định đầu tư,

**Tổ chức chủ trì**  
*(ký, họ tên, đóng dấu)*

*Ngày tháng năm 2019*  
**Chủ nhiệm đề tài**  
*(ký, họ tên)*

**Nguyễn Thanh Minh**

## **INFORMATION ON RESEARCH RESULTS**

### **1. General information**

- Project title: Research and propose specific mechanisms and policies to attract and effectively use investment capital into Lao Cai province
- Code number: DH 2017 - TN08 - 04
- Coordinator: Nguyen Thanh Minh
- Implementing institution: Thai Nguyen University of Economics and Business Administration - TNU
- Duration: from 01/2017 to 12/2018

### **2. Objective(s)**

The thesis analyzes and explains the mechanisms and policies implemented to attract investment in Lao Cai province, thereby assessing the effectiveness and contribution of investment capital sources for economic development, social economy as well as the spillover effect of investment capital to other sectors. Through the results of analysis and evaluation, the thesis clarifies the limitations and shortcomings in the current policy mechanisms and challenges for Lao Cai province in attracting and using investment capital. Proposing to Lao Cai province in the formulation of specific mechanisms and policies to attract and effectively use investment capital in the period of 2019-2025, orientation 2030.

### **3. Creativeness and innovativeness**

- System of theoretical and practical bases, analyzing the status of mechanisms, policies and activities to support the attraction and effective use of investment capital for economic development.
- Proposing solutions to specific mechanisms and policies to attract and effectively use investment capital in Lao Cai province in the period of 2019-2025, orientation 2030.

#### **4. Research results**

- The system of theoretical and practical bases on mechanisms, policies and factors affecting the attraction and efficient use of investment capital for economic development

- Analyzing the policy system, activities to support the attraction and use of investment capital for socio-economic development of Lao Cai province in the 2012-2017 period.

- Proposing solutions of specific mechanisms and policies and proposing to attract and effectively use investment capital of Lao Cai province in the coming time.

#### **5. Products**

##### ***5.1. Scientific Products***

1. Nguyen Thanh Minh, Nguyen Van Thong, Luong Ngoc Son (2018), “Solutions and mechanisms and policies to attract investment capital in Sa Pa district, Lao Cai province”, *Journal of Economics & Business Administration*, 07, pp.88 – 94.

2. Nguyen Thanh Minh, Tran Xuan Kien, Nguyễn Thị Hương, Dang Ngoc Quynh (2019), “Impact of specific mechanisms and policies to attract investment capital in Lao Cai province”, *Economy and Management Review*, 30, pp. 21-26.

3. Nguyen Thanh Minh, Nguyen Thi Van, La Quy Duong, Nguyen Thi Huong (2019), “Solution to attract and use investment capital in Lao Cai province”, *TNU Journal of Science and Technology*, 08(201), pp.177-184.

##### ***5.2. Training Products***

Master thesis:

1. Dang Ngoc Quynh (2019), State management of attracting investment capital into Lao Cai province, *Master's thesis in economic management*, University of Economics and Business Administration - TNU.

### ***5.3. Application Product***

Scientific report: “Specific mechanisms and policies to attract and effectively use investment capital sources in Lao Cai province”.

### **6. Transfer method, application address, impact and benefits of research results**

- Serving for research and study at member universities of Thai Nguyen University.

- Is a source of reference for organizations, investors and enterprises to develop mechanisms and policies to attract investment capital, consider investment decisions.



## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Lý luận và thực tiễn đã khẳng định vai trò của đầu tư với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Đầu tư là nhân tố quan trọng cho sự phát triển, là chìa khoá cho sự tăng trưởng và thay đổi cơ cấu kinh tế, là cơ sở cho sự phát triển khoa học công nghệ. Đối với các quốc gia đang phát triển đang phải đương đầu với nhiều khó khăn về kinh tế xã hội thì vấn đề làm thế nào để thu hút đầu tư cho sự phát triển kinh tế ở từng địa phương đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Một trong những yếu tố ảnh hưởng có tính chất quyết định đến khả năng thu hút đầu tư là cơ chế, chính sách liên quan.

Lào Cai là một tỉnh thuộc miền núi phía Bắc có tài nguyên thiên nhiên phong phú và là một tỉnh có nhiều tiềm năng lợi thế trên nhiều lĩnh vực. Cùng với cơ chế và chính sách mở cửa Đảng và Nhà nước, tỉnh Lào cai cũng đã áp dụng nhiều cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà như: cải cách thủ tục hành chính theo phương châm gọn, đơn giản tránh phiền hà; cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến đầu tư với nhiều ưu đãi, thực hiện sự cam kết với nhà đầu tư (NĐT) và coi sự thành công, thịnh vượng, phát đạt của các doanh nghiệp chính là sự phát triển của Lào Cai. “Doanh nghiệp phát tài, Lào Cai phát triển”. Tính đến tháng 10/2017 Lào Cai có 744 dự án đầu tư trực tiếp trong nước (DDI) và 24 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng VĐT 6,090 tỷ USD [17]. Các dự án đầu tư tập trung vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, trung tâm thương mại, du lịch, y tế... Nhiều dự án lớn đã hoạt động có hiệu quả, tạo được nhiều việc làm, nộp ngân sách lớn cho địa phương.

Hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Lào Cai năm 2019 diễn ra ngày 20/7/2019, Lào Cai sẽ ký kết thỏa thuận hợp tác với 11 đối tác và sẽ trao 8 quyết định chủ trương đầu tư các dự án (4 dự án thuộc lĩnh vực du lịch - dịch vụ, 2 dự án phát triển đô thị, 1 dự án phát triển dược liệu, 1 dự án phát triển công nghiệp) với tổng vốn đầu tư khoảng 6,3 tỷ USD (11 đối tác trên 124 nghìn

tỷ đồng, tương đương 5,3 tỷ USD, 8 quyết định chủ trương đầu tư trên 22 nghìn tỷ đồng tương đương 1 tỷ USD) [16]. Các dự án, thỏa thuận, ký kết được triển khai thực hiện, kỳ vọng sẽ tạo động lực cho Lào Cai phát triển toàn diện giai đoạn tới.

Tuy nhiên, trong hoạt động thực tiễn thời gian qua tại Lào Cai cũng đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, tồn tại trong cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư (VĐT), kém hấp dẫn và làm nản lòng các nhà đầu tư (NĐT)... Do vậy, ngoài việc sử dụng có hiệu quả nguồn lực của quốc gia thì Lào Cai cần có cơ chế, chính sách và giải pháp đủ mạnh hay còn gọi là cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả VĐT vào tỉnh. Vấn đề đặt ra là cần phải có một nghiên cứu phân tích đánh giá tường tận cơ chế, chính sách cũng như những hỗ trợ từ phía tỉnh Lào Cai để chỉ ra những mặt được, những hạn chế, tồn tại và thách thức từ đó có giải pháp điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách và các hoạt động hỗ trợ đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả VĐT, khai thác tối đa lợi thế của tỉnh và khu vực. Xuất phát từ những lý do đó mà nhóm nghiên cứu đã chọn đề tài: Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả VĐT vào tỉnh Lào Cai.

## **2. Mục tiêu đề tài**

### **2.1. Mục tiêu chung:**

Đề tài phân tích, luận giải về cơ chế, chính sách, các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai đồng thời làm rõ những hạn chế, bất cập, những thách thức đối tỉnh Lào Cai trong thu hút và sử dụng vốn đầu tư. Từ đó đề xuất với tỉnh Lào Cai xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đến 2025 và định hướng 2030.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Hệ thống hóa lý luận và thực tiễn về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả VĐT cho phát triển kinh tế.

- Phân tích thực trạng cơ chế, chính sách, các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng vốn đầu tư, tác động của các yếu tố đến hoạt động thu hút và sử dụng VĐT giai đoạn 2012 – 2017.

- Đánh giá những thành tựu đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong chính sách, các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lào Cai.

- Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư tỉnh Lào Cai đến 2025 và định hướng 2030.

### **3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Cơ chế, chính sách và các hoạt động hỗ trợ của tỉnh đã được thực hiện nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả VĐT vào tỉnh Lào Cai.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Đề tài nghiên cứu tại tỉnh Lào Cai.

- Về thời gian: Nghiên cứu và thu thập số liệu từ năm 2015 đến năm 2017.

- Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu cơ chế chính sách đã và đang triển khai áp dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thu hút, sử dụng VĐT; Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách đặc thù nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả VĐT đến 2025 và định hướng 2030.

### **4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Cách tiếp cận**

- *Tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn*: Từ lý luận và thực tiễn về cơ chế, chính sách, tiến hành phân tích thực trạng và những tác động từ cơ chế, chính sách và các hoạt động hỗ trợ nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả các NVĐT vào tỉnh Lào Cai, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với thực trạng nghiên cứu.

- *Tiếp cận hệ thống*: Nhóm nghiên cứu đã sử dụng cách tiếp cận các cơ chế chính sách của nhà nước, của tỉnh Lào Cai đến thu hút và sử dụng có hiệu quả các VĐT vào tỉnh Lào Cai.

- *Tiếp cận các yếu tố tác động*: Phân tích các yếu tố tác động đến thu hút và sử dụng vốn đầu tư, chỉ ra hạn chế và nguyên nhân của nó từ đó đề xuất giải pháp khắc phục nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả VĐT vào tỉnh Lào Cai.

- *Tiếp cận theo đầu vào – đầu ra, theo đóng góp vào GRDP* Xem xét mối liên quan giữa VĐT được đầu tư vào tỉnh với giá trị GRDP mang lại để làm rõ hiệu quả sử dụng VĐT.

## 4.2. Phương pháp nghiên cứu

\* Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp: tài liệu có liên quan đã công bố như: sách, tạp chí, báo, đề tài nghiên cứu, các báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư; sở kế hoạch và đầu tư của các tỉnh thành...

- Thu thập số liệu sơ cấp (thông tin mới): Đây là các tài liệu thu thập qua điều tra, khảo sát việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai; thu thập thông tin qua các nhà quản lý, các chuyên gia, NĐT/doanh nghiệp. Mẫu điều tra áp dụng công thức tính kích thước mẫu của Slovin:  $n = N / (1 + N * e^2)$  trong đó n là cỡ mẫu, N là số lượng tổng thể, e là sai số tiêu chuẩn N= 1000 (số lượng NĐT/doanh nghiệp) trên địa bàn tỉnh, độ chính xác là 95% sai số tiêu chuẩn là 5%, cỡ mẫu được xác định là 285.

Phương pháp điều tra thông qua phiếu hỏi, để tổng hợp ý kiến trả lời phiếu hỏi nhóm tác giả sử dụng các câu hỏi với thang đo Likert 5 mức độ.

Tiến hành thống kê toàn bộ thông tin, số liệu có liên quan đến đề tài thành biểu bảng theo từng nội dung, chỉ tiêu để phân tích thực trạng cũng như các yếu tố tác động đến ban hành cơ chế, chính sách đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai.

## Thang đánh giá Likert

Mức	Khoảng điểm	Ý nghĩa
5	4,21 – 5,0	Tốt
4	3,41 – 4,20	Khá
3	2,61 – 3,40	Trung bình
2	1,81 – 2,60	Yếu
1	1,0 – 1,80	Kém

\* Phương pháp xử lý thông tin

Số liệu thống kê được xử lý bằng Excel trên máy tính

\* Phương pháp phân tích

- Phương pháp thống kê mô tả là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng KT - XH bằng việc mô tả sự biến động cũng như xu hướng phát triển của hiện tượng kinh tế - xã hội thông qua số liệu thu thập được.

- Phương pháp so sánh được áp dụng để so sánh hiệu quả, tác dụng của đầu tư với kinh tế - xã hội đánh giá những đóng góp của đầu tư đối với nền kinh tế của tỉnh, khu vực và cả nước.

- Phương pháp chuyên gia: Thông qua ý kiến các chuyên gia, nhà quản lý, lãnh đạo tại địa phương, các hội nghị, hội thảo.

### 5. Chỉ tiêu nghiên cứu đề tài

\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh tế - xã hội

- Cơ cấu kinh tế tỉnh Lào Cai các năm,
- Tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) các năm,
- Tốc độ tăng trưởng GRDP các năm,

\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh thu hút VĐT:

- Quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn;
- Số lượng dự án đầu tư, tổng lượng VĐT toàn tỉnh, cho từng ngành;

- VĐT trong nước, VĐT nước ngoài;
- Mức hỗ trợ tiền tái định cư khi giải phóng mặt bằng;
- Cải cách thủ tục hành chính;
- Thanh tra, kiểm tra sau cấp phép đầu tư.

\* Nhóm chỉ tiêu phản ánh sử dụng hiệu quả VĐT

- VĐT, cơ cấu VĐT theo ngành, theo nguồn;
- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh;
- Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh và cảm nhận của doanh nghiệp về môi trường đầu tư, kinh doanh của cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh (DCI);

- Hiệu quả vốn đầu tư (ICOR) là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh quan hệ so sánh giữa chỉ tiêu đầu vào là VĐT thực hiện (hoặc tích lũy tài sản) và chỉ tiêu đầu ra là kết quả sản xuất đạt được. Như vậy ICOR có trị số càng thấp nghĩa là hiệu quả càng cao và ngược lại.

ICOR cần tính cho từng năm và chung cho nhiều năm trong một thời kỳ. cách tính ICOR cho từng năm, trên cơ sở chỉ tiêu đầu vào là VĐT và chỉ tiêu đầu ra là tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP), có thể tính ICOR từ các số tuyệt đối.

Công thức ICOR:  $ICOR = V_t / (G_t - G_{t-1}) = V_t / \Delta t$  (1.2) Trong đó:  $V_t$  : Tổng VĐT của năm nghiên cứu;  $G_t$  : GDP năm nghiên cứu;  $G_{t-1}$ : GDP của năm trước năm nghiên cứu;  $\Delta t$  : Mức tăng GRDP giữa năm nghiên cứu (t) và năm trước (t-1). ICOR tính theo phương pháp này thể hiện: để tăng thêm một đơn vị GRDP, đòi hỏi phải tăng thêm bao nhiêu đơn vị VĐT thực hiện.

Theo công thức 1.2 các chỉ tiêu VĐT năm nghiên cứu ( $V_t$ ) và GRDP năm nghiên cứu cũng như năm trước ( $G_t$  và  $G_{t-1}$ ) đều phải tính giá thực tế của năm nghiên cứu.

Tính theo giá thực tế của năm nghiên cứu thì công thức 1.2 có dạng:  $V_t(t) / [G_t(t) - G_{t-1}(t)] = V_t(t) / \Delta t(t)$  (1.2b) Trong đó:  $V_t(t)$ : Tổng VĐT của

năm nghiên cứu tính theo giá thực tế năm nghiên cứu;  $G_t(t)$ : GRDP của năm nghiên cứu tính theo giá thực tế năm nghiên cứu;  $G_{t-1}(t)$ : GRDP của năm trước tính theo giá thực tế năm nghiên cứu; Đại lượng này được tính bằng cách nhân GRDP năm trước với chỉ số giảm phát GRDP năm nghiên cứu ( $I_p$ ). Chỉ số giảm phát GRDP năm nghiên cứu bằng chỉ số chung về GRDP năm nghiên cứu ( $I_{pq}$ ) chia cho chỉ số lượng về GRDP ( $I_q$ ) tức là  $I_p = I_{pq} : I_q$ .

## **6. Bố cục đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục đề tài được khết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

Chương 2: Thực trạng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017.

Chương 3: Đề xuất giải pháp đặc thù về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai đến 2025 và định hướng 2030.

## CHƯƠNG 1

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

#### 1.1. Cơ sở lý luận về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

##### *1.1.1 Những vấn đề chung về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư*

**Đầu tư:** Theo quan điểm của J.M.Keynes: Đầu tư là nhân tố quan trọng trong việc giải quyết việc làm, vì vậy nhà nước phải sử dụng các công cụ tài chính để điều tiết nền kinh tế, đặc biệt phải có các chương trình đầu tư quy mô lớn để sử dụng lao động thất nghiệp và tư bản nhàn rỗi. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của việc thu hút đầu tư để phát triển nền kinh tế.

Đầu tư theo nghĩa rộng là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho người đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được kết quả đó. Nguồn lực có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, là sức lao động và trí tuệ. Các kết quả đạt được có thể là sự tăng trưởng thêm các tài sản tài chính, tài sản vật chất, tài sản trí tuệ và nguồn lực. Đầu tư theo nghĩa hẹp chỉ bao gồm những hoạt động sử dụng các nguồn lực ở hiện tại nhằm đem lại cho nền kinh tế - xã hội những kết quả trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã sử dụng để đạt được các kết quả đó [14].

Như vậy, có nhiều cách hiểu khác nhau về đầu tư, nhằm phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu, đề tài tiếp cận khái niệm đầu tư theo nghĩa rộng tức: Đầu tư là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nhằm thu được các kết quả, thực hiện những mục tiêu nhất định trong tương lai.

#### **Vốn đầu tư:**



Ở mỗi thời kỳ của lịch sử, vốn có nhiều quan niệm khác nhau, nhưng chung quy lại có hai khái niệm về vốn như sau:

Hiểu theo nghĩa rộng, vốn là toàn bộ các nguồn lực kinh tế được đưa vào luân chuyển. Nó không chỉ bao gồm tiền, tài sản như máy móc thiết bị, vật tư, tài nguyên, mà còn bao gồm cả giá trị của những tài sản vô hình như các thành tựu khoa học kỹ thuật, các phát minh sáng chế, các lợi thế so sánh.

Hiểu theo nghĩa trực tiếp, vốn là phần giá trị tài sản quốc gia được tích lũy dưới dạng tiền, giá trị của tài sản hữu hình và vô hình nhằm mục đích sinh lợi được chuyển đổi thông qua các hình thức đầu tư thành những tư liệu sản xuất cần thiết khác để sử dụng vào quá trình sản xuất và tái sản xuất xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường, quan niệm vốn được mở rộng với các đặc trưng cơ bản sau: Vốn được biểu hiện bằng giá trị của những tài sản; vốn được biểu hiện bằng tiền nhưng không phải tất cả mọi nguồn tiền đều là vốn; vốn là một hàng hoá đặc biệt; vốn còn thể hiện dưới dạng tiềm năng và lợi thế vô hình.

Như vậy, Sự biểu hiện bằng tiền tất cả các nguồn lực đã bỏ ra để thực hiện đầu tư gọi là VĐT. Để có thể tạo được những tài sản vật chất cụ thể, nhất thiết phải sử dụng VĐT thông qua hoạt động đầu tư.

VĐT bao gồm:

Vốn trong nước là vốn hình thành từ nguồn tích lũy nội bộ của nền kinh tế quốc dân bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, VĐT phát triển của doanh nghiệp nhà nước, các nguồn vốn khác [20].

Vốn ngoài nước là vốn hình thành không bằng nguồn tích lũy nội bộ của nền kinh tế quốc dân bao gồm: Vốn thuộc các khoản vay nước ngoài của chính phủ và các nguồn viện trợ quốc tế dành cho đầu tư phát triển; VĐT trực tiếp từ nước ngoài FDI, VĐT của cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ

quan nước ngoài khác đầu tư xây dựng trên đất Việt Nam, vốn vay nước ngoài do Nhà nước bảo lãnh đối với doanh nghiệp [20].

#### *1.1.1.1 Cơ chế kinh tế*

Cơ chế kinh tế xét dưới dạng trừu tượng nhất, đó là một hệ thống hữu cơ của sự tự thích ứng lẫn nhau, tự điều tiết và điều hoà lẫn nhau của các yếu tố cấu thành nền kinh tế dưới tác động của các quy luật khách quan. Trong nền kinh tế thị trường, cơ chế được hiểu là sự điều tiết, điều hoà và thích ứng lẫn nhau của các yếu tố cung, cầu, giá cả dưới tác động của các quy luật thị trường. Theo A.Smith thì đó là “bàn tay vô hình” chi phối hoạt động của các chủ thể thị trường.

*Ở dạng khái quát:* Cơ chế của nền kinh tế, là tổng hoà của các *thể chế kinh tế* và *thiết chế kinh tế* mà nhờ đó con người có thể tác động vào sự vận động của nền kinh tế một cách tích cực và có hiệu quả, nhằm định hướng vào các mục tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản. Ở đây, cơ chế kinh tế còn biểu thị quan hệ chế ước và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố cấu thành trong một thể chế kinh tế xác định. Trong đó: *Thể chế kinh tế* được hiểu là các khuôn khổ pháp lý được xã hội xác lập, dựa trên quyền tài sản để chuẩn mực hoá hành vi kinh tế của các chủ thể và xác định phạm vi hoạt động, cũng như thụ hưởng các lợi ích nhờ hoạt động kinh tế đó sinh ra, còn *thiết chế kinh tế* là bộ máy điều hành nền kinh tế.

*Ở dạng cụ thể:* Thể chế kinh tế là một hệ thống các quy tắc pháp quy và các phương thức vận hành, được Nhà nước xác lập để điều khiển sự vận động của các lĩnh vực kinh tế và hành vi của các chủ thể trong sản xuất, lưu thông phân phối các sản phẩm sau hoạt động kinh tế [12]. Vì cơ chế kinh tế phát huy được tác dụng trong vận hành thể chế kinh tế nên còn được gọi là cơ chế vận hành kinh tế. Vận hành nền kinh tế thị trường là cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là cơ chế tự điều tiết và chi phối chi phối bởi các qui luật khách

quan. Chỉ khi nào có nhận thức đúng đắn về các qui luật khách quan, con người mới đưa ra được cơ chế vận hành nền kinh tế phù hợp.

Thế chế kinh tế và cơ chế vận hành nền kinh tế là hai mặt của một hệ thống. Thế chế kinh tế xây dựng khuôn khổ, xác định phạm vi hoạt động cho các chủ thể hành vi phải tuân theo trong hệ thống, còn cơ chế vận hành kinh tế chỉ ra cho các chủ thể phương thức hoạt động trong phạm vi đã được quy định và mối quan hệ giữa các chủ thể đó. Thomas. L. Friedmxir coi hệ thống KT - XH là phần cứng, còn thế chế kinh tế là phần mềm. Như vậy, phần cứng chứa đựng nền kinh tế và cơ chế hoạt động của nó, còn phần mềm là sự vận hành các hoạt động đó. *Trong thực tiễn*, để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội, Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý đã tạo lập và sử dụng các công cụ quản lý để truyền dẫn các tác động của mình lên các đối tượng, khách thể quản lý. Chính nhờ các công cụ quản lý mà Nhà nước truyền tải được các ý định và ý chí của mình lên mỗi con người, mỗi bộ phận trong hệ thống, trên toàn bộ các vùng, các khu vực, các ngành của nền kinh tế. Các công cụ quản lý kinh tế - xã hội được Nhà nước sử dụng bao gồm: kế hoạch, pháp luật, các chính sách kinh tế - xã hội, bộ máy nhà nước, tài sản của Nhà nước, hệ thống thông tin nhà nước, văn hoá dân tộc [9].

#### *1.1.1.2 Chính sách kinh tế*

Chính sách kinh tế - xã hội là tổng thể các quan điểm, tư tưởng, các giải pháp và công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động lên các đối tượng và khách thể quản lý nhằm giải quyết vấn đề chính sách, thực hiện những mục tiêu nhất định theo định hướng mục tiêu tổng thể của xã hội [2].

Chính sách là một loại quyết định quản lý mà tầm ảnh hưởng của nó lớn hơn các quyết định tác nghiệp. Đó là các quyết định chung, hướng dẫn đối tượng quản lý thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô. Chính sách tồn tại ở các cấp của hệ thống quản lý nó bao gồm: chính sách quốc gia, chính sách ngành,

chính sách địa phương, vùng lãnh thổ, công ty và bao gồm nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị xã hội. Trong kinh tế có các chính sách cơ bản sau: chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả, đầu tư, thu nhập, ngân sách, tiết kiệm,...

Chính sách là những tài liệu chỉ dẫn, nó có phạm vi co giãn nhất định, việc đề ra các chính sách phù hợp sẽ khơi dậy nhiều tiềm năng mới nhờ nó mà nền kinh tế tăng trưởng và phát triển. Vì đối tượng quản lý luôn vận động và biến đổi qua từng thời kỳ, nên một chính sách cứng nhắc sẽ mất đi tính hợp lý của nó theo thời gian. Bởi vậy, việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách luôn là điều cần thiết trong bất kỳ giai đoạn phát triển nào của nền kinh tế.

Là một trong những công cụ quản lý quan trọng nhất của Nhà nước, các chính sách kinh tế - xã hội có vai trò hết sức to lớn được thể hiện:

- Là công cụ quan trọng góp phần định hướng hành vi của các chủ thể kinh tế - xã hội để cùng hướng tới những mục tiêu của nền kinh tế.

- Được Nhà nước ban hành để giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh trong đời sống kinh tế - xã hội, điều tiết những mất cân đối, những hành vi không phù hợp, nhằm tạo một hành lang pháp lý cho các hoạt động xã hội theo các mục tiêu đã đề ra.

- Khác với các công cụ quản lý khác, phần lớn chính sách của Nhà nước có vai trò kích thích, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Bản thân mỗi chính sách khi hướng vào việc giải quyết một vấn đề bức xúc đã làm cho sự vật phát triển thêm một bước, đồng thời lại tác động lên các vấn đề khác, làm nảy sinh những nhu cầu phát triển mới.

Về *bản chất*, chính sách phản ánh đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các quan điểm, tư tưởng phát triển đất nước. Đó là các nguyên tắc thể hiện bản chất của chế độ xã hội, được dùng làm cơ sở để điều hành trong tiến trình xây dựng nền kinh tế đất nước. Các quan điểm phản ánh trong

chính sách là kim chỉ nam cho hoạt động của tất cả các ngành, lĩnh vực và địa phương trên cả nước.

Nếu tiếp cận theo hệ thống, thì chính sách là một hệ thống gồm hai nhóm lớn: *Nhóm thứ nhất* là các chính sách kinh tế, chủ yếu gồm có chính sách cơ cấu kinh tế, chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách giá cả, chính sách kinh tế đối ngoại. *Nhóm thứ hai* là các chính sách xã hội, chủ yếu bao gồm có chính sách dân số và lao động, chính sách giáo dục, chính sách y tế, chính sách bảo đảm xã hội, chính sách văn hoá, chính sách khoa học công nghệ, chính sách bảo vệ môi trường.

### ***1.1.2 Tác động của cơ chế, chính sách đối với hoạt động thu hút vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư***

Mục đích tối thượng của các NĐT là tìm kiếm lợi nhuận, bởi vậy trước khi quyết định đầu tư vào lĩnh vực nào, ngành nào, khu vực nào, địa phương nào trong nước cũng như đầu tư vào nước nào họ nghiên cứu rất kỹ các yếu tố liên quan đến khả năng sinh lợi khi tổ chức sản xuất kinh doanh. Bên cạnh việc tìm hiểu các điều kiện cần thiết cho sản xuất như cơ sở hạ tầng, nguyên nhiên vật liệu, lao động, máy móc thiết bị ..., các NĐT còn xem xét khả năng tiêu thụ sản phẩm và đặc biệt là các cơ chế, chính sách về đầu tư của Nhà nước cũng như cơ chế, chính sách về đầu tư nước ngoài mà nước sở tại ban hành. Có nhiều nguyên nhân gây ra rủi ro, dẫn đến đầu tư bị thua lỗ, ngoài các nguyên nhân bất khả kháng như: thiên tai, địch hoạ, sự bất ổn về mặt chính trị xã hội, thì các nguyên nhân còn lại đều có thể khắc phục được thông qua việc ban hành các qui định, chính sách hợp lý. Ví dụ như chính sách đất đai, việc qui định giá thuê đất, thời gian cho thuê đất hợp lý, tạo điều kiện cho các NĐT không những thu hồi được vốn mà còn tạo ra lợi nhuận. Cũng tương tự như vậy có các chính sách về thuế, về tuyển dụng lao động, về sử dụng tài nguyên thiên nhiên, về bảo vệ môi trường... Một khi tất cả các chính sách liên quan đến đầu tư được ban hành, đảm

bảo sự hài hoà giữa quyền lợi của quốc gia và quyền lợi của các NĐT (cả NĐT trong và ngoài nước), sẽ khuyến khích họ tăng vốn đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế cao hơn. Một cơ chế bất hợp lý với các thủ tục rườm rà, gây phiền phức cho các NĐT trong việc tổ chức, điều hành doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh cũng là một trong những lý do khiến họ phân vân, trước câu hỏi có nên bỏ vốn ra để đầu tư hay không. Có một thực tế là, không ai có thể ép buộc các NĐT phải xuất vốn đầu tư vào khu vực này, lĩnh vực kinh tế này mà đó là quyền tự quyết của họ. Tuy nhiên mỗi quốc gia, mỗi địa phương có thể dùng cơ chế, chính sách để lái họ đi theo hướng mà quốc gia, địa phương đó đã định. Ví dụ một quốc gia, một địa phương muốn ưu tiên phát triển ngành kinh tế mũi nhọn nào đó, tại một địa bàn nào đó thì có thể ban hành mức thuế ưu tiên cho ngành đó, địa bàn đó và có một cơ chế đầu tư thuận lợi, với động thái này khả năng thu hút vốn đầu tư cho ý định đã đề ra là rất lớn.

Qua những phân tích trên chúng ta có thể thấy rõ tầm quan trọng của cơ chế, chính sách không những có tác dụng thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư mà còn có thể lái được các NĐT hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế, địa bàn kinh tế mà chúng ta lựa chọn và hoạt động có hiệu quả.

### ***1.1.3 Nội dung nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư***

Nghiên cứu cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả VĐT với 3 nội dung:

**Thứ nhất**, xem xét cơ chế, chính sách đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả VĐT.

Vận dụng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng VĐT của Nhà nước, của vùng để cụ thể cho địa phương đồng thời có ưu đãi đặc thù cho NĐT nhằm thu hút VĐT khai thác lợi thế tiềm năng của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

**Thứ hai**, các hoạt động hỗ trợ NĐT của các cấp, ngành ở địa phương trên các mặt như công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, xúc tiến, hỗ trợ đầu tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức viên chức, giải phóng mặt bằng, cải cách thủ tục hành chính và thanh tra, kiểm tra sau cấp phép đầu tư.

**Thứ ba**, kết quả, hiệu quả thu hút và sử dụng VĐT tại địa phương.

Kết quả thu hút VĐT và hiệu quả sử dụng VĐT là thể hiện rõ nét sức thu hút của cơ chế, chính sách và hỗ trợ của địa phương. Thu hút càng được nhiều VĐT trong đó có cả VĐT trong nước và cả VĐT nước ngoài thì càng chứng tỏ cơ chế, chính sách và hỗ trợ của địa phương có sức hút tốt tức có nghĩa là trong cơ chế, chính sách đã có nhiều nhiều ưu đãi hấp dẫn... thuyết phục và lôi kéo NĐT. Ngược lại thu hút không được nhiều thì trước hết phải xem lại cơ chế, chính sách và hỗ trợ của địa phương.

Hiệu quả sử dụng VĐT được xem xét thông qua các chỉ tiêu như chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh và cảm nhận của doanh nghiệp về môi trường đầu tư, kinh doanh của cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh (DCI); hiệu quả vốn đầu tư (ICOR) đó là các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, nhất là hiệu quả vốn đầu tư (ICOR) phản ánh quan hệ so sánh giữa chỉ tiêu đầu vào là VĐT thực hiện (hoặc tích lũy tài sản) và chỉ tiêu đầu ra là kết quả sản xuất đạt được. Như vậy ICOR có trị số càng thấp nghĩa là hiệu quả càng cao và ngược lại.

#### ***1.1.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến việc ban hành cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư***

##### ***1.1.4.1 Môi trường chính trị - xã hội***

Sự ổn định về chính trị, thể chế chính trị, sự nhất quán trong chủ trương, đường lối chính sách cơ bản của Nhà nước luôn là yếu tố tạo môi

trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn các NĐT. Đặc trưng về sự tác động của những yếu tố chính trị đối với hoạt động đầu tư thể hiện ở những mục đích mà thể chế chính trị nhằm tới. Thể chế chính trị giữ vai trò định hướng, chi phối toàn bộ hoạt động đầu tư kinh doanh của các NĐT thông qua vai trò của nhà nước cầm quyền.

Với vai trò là tạo lập, thúc đẩy, điều chỉnh và duy trì tốc độ phát triển kinh tế, Nhà nước tạo lập một môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, quy định những khuôn khổ pháp lý, duy trì trật tự kỷ cương trong xã hội và các hoạt động kinh tế duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, quyết định tiền đề kinh tế của một đất nước. Sự ổn định về chính trị sẽ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, một nhà nước mạnh, thực thi hữu hiệu các chính sách phát triển kinh tế, xã hội đáp ứng được yêu cầu chính đáng của nhân dân sẽ đem lại lòng tin và tính hấp dẫn cho các NĐT trong và ngoài nước. Trong một xã hội ổn định về chính trị, các NĐT được đảm bảo an toàn về đầu tư, quyền sở hữu tài sản, các NĐT sẽ sẵn sàng bỏ vốn đầu tư lớn và dài hạn, mức độ yên tâm của các NĐT được củng cố thông qua sự đánh giá về mức độ rủi ro chính trị (rủi ro chính trị là mức độ mà các biến cố và hoạt động chính trị có khả năng gây ra những tác động tiêu cực đối với môi trường đầu tư, với lợi nhuận dài hạn tiềm tàng của các dự án đầu tư).

Ngoài ra còn có một số yếu tố rất quan trọng của môi trường chính trị là xu thế chính trị, đây là định hướng chính trị của Nhà nước sẽ áp dụng trong chính sách điều hành quốc gia. Những chính sách đó sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến các khía cạnh trong nền kinh tế và các NĐT. Xung đột với nước ngoài là mức độ thù địch của một quốc gia đối với một quốc gia khác, khi xảy ra xung đột, các quốc gia thường áp dụng chính sách cấm vận, trừng phạt kinh tế, chính trị mà hậu quả hay các thiệt hại của nó thì các NĐT sẽ gánh chịu đầu tiên.



Có thể nói môi trường chính trị - xã hội là nhân tố hàng đầu, có ảnh hưởng mang tính quyết định đến quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút VĐT đặc biệt là FDI. Ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho tất cả hệ thống thể chế, chính sách phát huy vai trò chỉ đạo nền kinh tế của mỗi quốc gia. Một khi môi trường chính trị, xã hội bất ổn, các cơ chế, chính sách được ban hành (kể cả trong lĩnh vực thu hút FDI) đều mất đi tính hiệu lực của nó. Vì lý do này, việc tạo lập sự ổn định về chính trị xã hội luôn là ưu tiên số một của tất cả các quốc gia, nó phải được bảo đảm chắc chắn trước khi xây dựng và hoàn thiện các hệ thống cơ chế, chính sách.

Song song với việc tạo lập sự ổn định về chính trị xã hội, cần thiết phải có hoạch định và xây dựng chiến lược thu hút đầu tư (kể cả trong lĩnh vực thu hút FDI). Không có chiến lược thu hút đầu tư thì việc hoạch định các chính sách dễ đi sai hướng và vì vậy không những nó không mang lại hiệu quả kinh tế mà đôi khi còn gây ra các hậu quả đáng tiếc (ví dụ có thể gây ô nhiễm môi trường hoặc tạo ra sự mất cân đối giữa các vùng, các ngành kinh tế, khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên). VĐT nước ngoài và nguồn vốn trong nước cần phải đạt được một tỷ lệ nhất định. Một khi tỷ lệ này chênh lệch quá lớn, nghiêng về phía VĐT nước ngoài sẽ làm cho nền kinh tế trong nước bất ổn định và dễ dàng rơi vào tình trạng phụ thuộc. Tình hình chính trị - xã hội cũng như các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ trên thế giới và trong nước luôn thay đổi qua những thời kỳ khác nhau, do đó mỗi quốc gia cần phải xây dựng định hướng phát triển kinh tế cho từng giai đoạn. Trên cơ sở định hướng kinh tế được xác lập, việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút VĐT đặc biệt là FDI mới tạo ra động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển đúng hướng, lành mạnh và đạt được tốc độ tăng trưởng theo mong muốn.

#### *1.1.4.2 Môi trường đầu tư.*

Hoạt động kinh doanh của các NĐT đều chịu sự tác động của các yếu tố cấu thành môi trường đầu tư, các yếu tố môi trường đầu tư lại luôn biến

động, luôn thay đổi tùy theo từng thời điểm, từng ngành, từng khu vực, và từng quốc gia. Do vậy, việc phân chia thành các nhóm yếu tố môi trường chỉ có tính chất tương đối và khi phân tích nó khó tránh khỏi trùng lặp. Về tổng quát, nhân tố môi trường đầu tư bao gồm các nội dung sau:

\* Hệ thống pháp luật: Việc điều hành các hoạt động của một đất nước được tiến hành thông qua hệ thống pháp luật. Điều hành hoạt động đầu tư nói chung và đầu tư nước ngoài cũng không thể là ngoại lệ. Nói như vậy, có nghĩa là các hoạt động đầu tư bao gồm cả đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các điều khoản mà pháp luật của Nhà nước sở tại đề ra. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư, những thay đổi về các điều luật, các qui định là tất yếu phải xảy ra. Mặt khác, bản thân hệ thống pháp luật của một đất nước cũng có những thay đổi cho phù hợp với tình hình của từng giai đoạn. Nên khi sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư trong đó có FDI không chỉ nghiên cứu các vấn đề liên quan đến đầu tư trong giai đoạn cụ thể, mà còn phải xem xét đến các qui định của pháp luật quốc tế ở thời kỳ đó, để khi ban hành sửa đổi cơ chế, chính sách không có điểm nào vi phạm các điều luật của hệ thống pháp luật quốc tế.

\* Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên: Các yếu tố này có ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các NĐT trong và ngoài nước, đặc biệt là các công ty xuyên quốc gia ở các mặt chi phí chuyên chở, khả năng cung cấp nguyên liệu và ảnh hưởng của khí hậu, thời tiết. Do đó, khi nghiên cứu chính sách thu hút và sử dụng nguồn vốn đặc biệt là chính sách thu hút FDI họ cần phải đánh giá một cách chính xác những yếu tố trên về mức độ ảnh hưởng của nó đến sự hấp dẫn đầu tư. Nếu địa điểm đầu tư không gần nơi tiêu thụ, cảng biển, địa hình phức tạp, tức là không thuận lợi thì cần phải có các chính sách hỗ trợ để giảm chi phí đầu tư như giá thuê đất, hỗ trợ đầu tư hạ tầng,... Trong đó, đặc biệt là quy định về quyền của NĐT trong quan hệ sở hữu đất đai, thời hạn và giá thuê đất, quyền chuyển nhượng và thế chấp. Đồng thời cần có các chính

sách thuế và các cơ chế khuyến khích khác như tỷ lệ thuế mà các doanh nghiệp có vốn đầu tư phải nộp cho Nhà nước, thời gian nộp thuế kể từ khi doanh nghiệp kinh doanh có lợi nhuận. Sau khi nộp thuế này, các doanh nghiệp có thể được giảm thuế trong một thời gian nào đó. Nếu đầu tư tại các địa bàn đặc biệt khó khăn cần được khuyến khích ưu đãi về thuế doanh thu, thuế thu nhập và có cơ chế ưu đãi về xuất, nhập khẩu,...

\* Môi trường kinh doanh: Đây cũng là một lĩnh vực mà các NĐT mà đặc biệt là NĐT nước ngoài có mối quan tâm, được thể hiện trong việc công bằng đối xử giữa các hãng nước ngoài với các hãng địa phương, rút ngắn danh mục các ngành công nghiệp thuộc loại cấm hoặc hạn chế đối với các NĐT nước ngoài. Coi đầu tư trực tiếp nước ngoài như bộ phận cấu thành hết sức quan trọng trong việc hình thành tổng lượng vốn cần thiết, các thoả thuận hợp tác quốc tế mở rộng thị trường... Một môi trường kinh doanh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ tạo ra sự cạnh tranh tuy gay gắt nhưng lành mạnh. Việc cạnh tranh này một mặt thúc đẩy các doanh nghiệp tăng cường áp dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ để tăng năng suất lao động nâng cao hiệu quả đầu tư, mặt khác buộc các NĐT trong và ngoài nước phải tìm cách mở rộng các lĩnh vực hoạt động kinh doanh để tồn tại và phát triển. Có thể nói, môi trường kinh doanh của Việt Nam trong thời gian qua còn thiếu lành mạnh, thiếu công bằng trong phân biệt đối xử giữa các thành phần doanh nghiệp. Mặc dù đã có bộ Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp nhưng quá trình triển khai thực hiện còn mắc những khó khăn cần phải tháo gỡ dần những tồn tại, những vấn đề do thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật của ta. Do đó, trong quá trình sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư chúng ta cần đề ra các qui định nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo sự bình đẳng, minh bạch và có sức hấp dẫn các NĐT hơn.

\* Trình độ phát triển của nền kinh tế: Đây cũng là một nội dung quan trọng thuộc nhân tố môi trường đầu tư, đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với việc hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư. Đặc điểm này liên qua đến hàng loạt các yếu tố ổn định kinh tế vĩ mô (tiền tệ, tài chính...) cơ sở hạ tầng (hệ thống các dịch vụ), kết cấu thị trường (cơ cấu ngành hàng nông nghiệp, công nghiệp...), thu nhập dân cư (sức mua của dân chúng, giá cả lao động...), chất lượng lao động (trình độ, số lượng đội ngũ lao động kỹ thuật), các thủ tục quản lý hành chính, hệ thống trọng tài (đảm bảo minh bạch, quốc tế hoá),...

+ Cơ sở hạ tầng kinh tế: Cơ sở hạ tầng kinh tế bao gồm hệ thống đường xá giao thông, hệ thống cung cấp điện, nước. Hầu như, tất cả các NĐT đều rất quan tâm đến vấn đề này, trước khi có quyết định đầu tư. Cơ sở hạ tầng kinh tế tốt luôn là một trong những ưu thế để thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Như vậy không có nghĩa các nước có cơ sở hạ tầng kinh tế kém không hấp dẫn các NĐT. Vấn đề đặt ra là khi ban hành hay sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cần phải có các điều khoản sao cho các NĐT không bị thiệt thòi về lợi ích kinh tế (nếu chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng phía các NĐT chịu thì họ sẽ được ưu đãi về mức thuế, hoặc xác định thời hạn hoàn thành các cơ sở hạ tầng sau khi cấp phép hoạt động cho các NĐT,...).

+ Lao động và tài nguyên. Một trong những yếu tố quan trọng của môi trường đầu tư là nguồn nhân lực và giá cả sức lao động, đây là những yếu tố rất cần thiết để các NĐT lập kế hoạch kinh doanh. Những nước có dân số đông thường có lợi thế về lực lượng lao động dồi dào, giá lao động rẻ, sức tiêu thụ lớn,... và ngược lại. Một NĐT muốn mở một nhà máy trên phương diện nguồn nhân lực thì NĐT sẽ chọn khu vực có thể đáp ứng được những yêu cầu về số lượng và chất lượng lao động. Giá cả sức lao động là một trong những chỉ tiêu đánh giá của các NĐT. Nhiều NĐT kinh doanh sử dụng nhiều lao động đã phải rút lui ý định đầu tư khi giá cả sức lao động tại nơi đầu tư không cạnh tranh. Chất lượng lao động là một lợi thế cạnh tranh đối với các

NĐT vào lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao hoặc có sử dụng công nghệ hiện đại. Ngoài ra yếu tố văn hoá cũng ảnh hưởng tới yếu tố lao động như sự cần cù trong lao động, tính kỷ luật, ý thức lao động, hoạt động của các tổ chức của người lao động như công đoàn, hiệp hội. Như vậy, yếu tố lao động là một trong những điều kiện có thể thuận lợi hay khó khăn cho các NĐT khi tiến hành kinh doanh.

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên bao gồm các khoáng sản tài nguyên của một quốc gia, khối lượng hay dung lượng của từng loại tài nguyên, khả năng khai thác tài nguyên. Tuy nhiên với nguồn tài nguyên ngày càng khan hiếm cùng với sự lạm dụng tài nguyên đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đã buộc các Chính phủ thường xuyên khuyến khích thăm dò khảo sát, tìm kiếm tài nguyên tại những vùng xa và có khả năng phục hồi, khuyến khích sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn và tiết kiệm hơn. Sự hạn chế về tài nguyên này đã khiến các NĐT thường tìm kiếm nơi có nhiều tài nguyên thiên nhiên và Chính phủ nước sở tại có những chính sách thông thoáng về quản lý tài nguyên thiên nhiên để đầu tư.

+ Thủ tục hành chính: Việc đầu tư vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh thường có thời cơ nhất định, nếu thủ tục cấp phép phức tạp không những làm tăng chi phí ban đầu, mà còn làm lỡ cơ hội đầu tư. Không nên cho rằng TTHC chỉ là một vấn đề nhỏ, không đáng để quan tâm, mà nên hiểu đây là biểu hiện thái độ ứng xử ban đầu của cơ chế quản lý hành chính có khoa học hay không ở địa phương, nước sở tại đối với các NĐT trong nước và nước ngoài. Riêng cơ chế, chính sách thu hút FDI cần được nghiên cứu kỹ trong quá trình sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đặc biệt là khâu cấp phép đầu tư. Kinh nghiệm ở một số nước cũng như một số địa phương ở nước ta cho thấy rằng, việc đơn giản hoá các TTHC cũng làm cho các NĐT đặc biệt là NĐT nước ngoài thêm quyết tâm trước ý định đầu tư vào nước sở tại.

+ Hệ thống trọng tài kinh tế: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, việc xảy ra tranh chấp về lợi ích kinh tế giữa các doanh nghiệp là điều không thể tránh khỏi. Trọng tài kinh tế là tổ chức có tư cách pháp nhân để đứng ra phân xử các tranh chấp này. Một hệ thống trọng tài kinh tế được tổ chức tốt, làm việc dựa trên các qui định của pháp luật sẽ đem lại sự công bằng cho các doanh nghiệp. ở nước ta, công tác trọng tài kinh tế bước đầu đã có những hoạt động nhất định, tuy nhiên để có thể phân xử nhanh, chính xác các vụ tranh chấp, bên cạnh việc xây dựng một đội ngũ trọng tài kinh tế có năng lực, còn phải ban hành các qui định cụ thể về xét xử (như thời hạn mở toà xét xử là bao lâu sau khi nhận đơn, các TTHC, án phí,...) và đặc biệt là phải hoàn thiện bộ Luật Kinh tế để lấy nó làm cơ sở đảm bảo cho việc xét xử luôn diễn ra chính xác công bằng. Một khi kết quả xét xử của các trọng tài kinh tế luôn làm cho các bên tranh chấp phải tâm phục, khẩu phục thì hệ thống trọng tài kinh tế mới thực sự trở thành người bảo vệ đáng tin cậy cho các lợi ích kinh tế chính đáng của các NĐT. Với những lý do trên, vấn đề trọng tài kinh tế thực sự đáng được quan tâm trong quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư ở Việt Nam.

+ Xúc tiến đầu tư: Sau khi hoàn thành các TTHC và được cấp phép, các NĐT bắt đầu xúc tiến các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh của mình. Bên cạnh việc triển khai xây dựng nhà xưởng, đầu tư trang thiết bị, máy móc, hình thành bộ máy quản lý, tuyển dụng lao động, lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, các chủ đầu tư còn lo quan hệ với chính quyền địa phương, các đối tác kinh doanh để ký các hợp đồng kinh tế. Quá trình xúc tiến đầu tư là quá trình bận rộn nhất, phức tạp nhất, nó quyết định sự thành bại của hoạt động đầu tư. Tuy bận rộn, phức tạp nhưng việc xúc tiến đầu tư không thể diễn ra mà không tuân thủ pháp luật và các qui định của nước sở tại. Trong quá trình hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nếu chúng ta luôn nghiên cứu các điều kiện cụ thể

để ban hành các qui định sửa đổi, tạo thuận lợi cho các hoạt động xúc tiến đầu tư của các doanh nghiệp đạt hiệu quả cao thì chắc chắn VĐT không thể không có mức tăng trưởng. Môi trường quốc tế. Thực tế đã chứng minh, những vấn đề quốc tế hay những yếu tố kinh tế chính trị quan trọng vượt ra khỏi biên giới có tác động rất lớn tới môi trường đầu tư của một quốc gia. Mối quan hệ giữa các Chính phủ có tác động mạnh đến môi trường đầu tư, khi mối quan hệ là đối kháng thì sự mâu thuẫn giữa hai Chính phủ sẽ có thể hoàn toàn phá huỷ các mối quan hệ kinh tế giữa hai nước. Nếu mối quan hệ chính trị song phương được cải thiện, sẽ thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư phát triển tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong kinh doanh. Các tổ chức quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển và vận dụng các chính sách biểu lộ các nguyện vọng chính trị của các quốc gia thành viên. Hệ thống luật pháp quốc tế, những hiệp định và thoả thuận được các quốc gia tuân thủ có ảnh hưởng sâu rộng đến hoạt động đầu tư, thương mại, kinh doanh quốc tế, có thể không ảnh hưởng trực tiếp đến từng doanh nghiệp từng NĐT riêng lẻ, nhưng lại có ảnh hưởng gián tiếp thông qua việc tạo ra một môi trường đầu tư, kinh doanh quốc tế ổn định và thuận lợi. Những cam kết bảo đảm cho các NĐT không bị tước đoạt (sung công), quyền chuyển ngoại hối, quyền sở hữu trí tuệ,... Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế có ảnh hưởng lớn tới các NĐT đang hoạt động trên thị trường quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra theo nhiều hình thức khác nhau, nhưng tập trung chủ yếu vào hợp tác kinh tế được thiết lập để mang lại sự phụ thuộc kinh tế lẫn nhau nhiều hơn giữa các quốc gia. Tổ chức đơn giản nhất là hiệp định thương mại ưu đãi, các quốc gia thành viên giảm các hạn chế thương mại với nhau nhưng vẫn duy trì hàng rào với hàng nhập khẩu từ các nước không phải là thành viên của hiệp định. Khu vực mậu dịch tự do và liên minh thuế quan có những đặc điểm hạn chế như hàng rào thương mại cho các thành viên và duy trì các hạn chế thương mại của riêng họ đối với hàng hoá nhập khẩu từ các nước không phải là thành viên. Thị trường chung được hình thành khi

liên minh thuế quan được mở rộng, bao gồm việc bãi bỏ các hạn chế đối việc di chuyển lao động và tư bản giữa các thành viên, ngoài ra còn có các liên minh tiền tệ, liên minh kinh tế... Nói chung, các hình thức hội nhập kinh tế thường nhằm đưa ra sự thoả thuận và thống nhất để giảm bớt các hàng rào thương mại giữa các nước thành viên.

Như vậy có thể thấy rằng môi trường đầu tư có vai trò rất quan trọng tới sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp, các NĐT sẽ quyết định bỏ vốn đầu tư mới hoặc mở rộng đầu tư kinh doanh nếu như họ tìm được một môi trường đầu tư tốt. Khi thu hút được vốn đầu tư, các chính phủ nước sở tại sẽ giải quyết được nhiều vấn đề liên quan tới tăng trưởng và phát triển kinh tế.

## **1.2 Kinh nghiệm thực tiễn xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư của một số địa phương và bài học kinh nghiệm cho tỉnh Lào Cai**

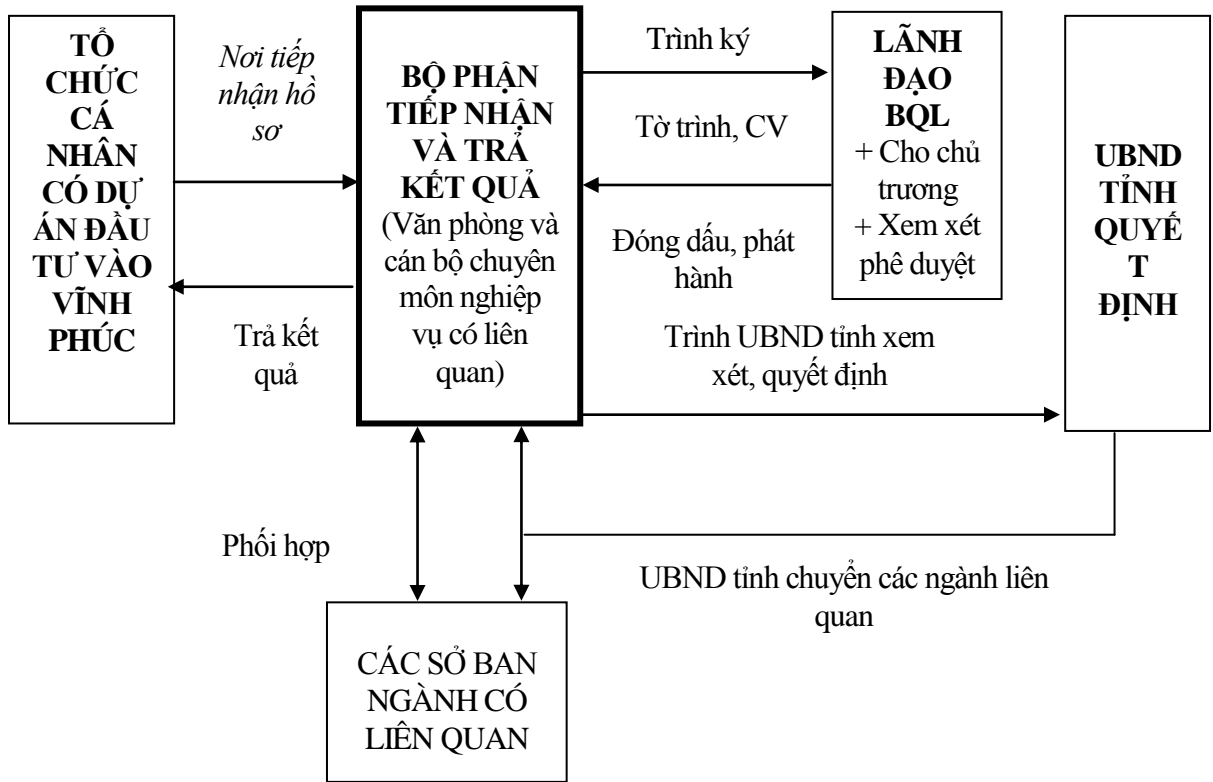
### ***1.2.1 Kinh nghiệm một số địa phương***

#### ***1.2.1.1 Tỉnh Vĩnh Phúc***

***Cơ chế quản lý hoạt động đầu tư :*** Ban Quản lý các Khu CN và thu hút đầu tư sẽ thụ lý, xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh cấp giấy phép đầu tư cho các dự án đầu tư nước ngoài cả bên trong và bên ngoài khu công nghiệp đối với các dự án thuộc phạm vi tỉnh ra quyết định hoặc làm thủ tục để UBND tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đối với các dự án không thuộc thẩm quyền của tỉnh và các dự án đầu tư trong nước đầu tư vào khu Công nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ quản lý các dự án đầu tư trong nước ngoài khu công nghiệp. Cách làm này là Vĩnh Phúc muốn tập trung đầu mối quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài vào một đơn vị duy nhất tránh chồng chéo. Đây là cơ chế khác biệt và thực tế đã phát huy hiệu quả đối với Vĩnh Phúc.



Mô hình quản lý của Vĩnh Phúc như sau:



**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ thẩm định phê duyệt Dự án đầu tư ở Vĩnh Phúc**

*Nguồn : Ban quản lý các KCN và Thu hút đầu tư Vĩnh Phúc*

**Về công tác thuê đất và giải phóng mặt bằng:** Đối với Vĩnh Phúc thủ tục này có sự khác biệt so với các tỉnh, thường dự án đặt tại huyện nào thì UBND tỉnh sẽ giao cho UBND huyện đó thành lập Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng giúp cho chủ đầu tư thực hiện công việc này. Hội đồng này với thành phần tham gia gồm đại diện UBND huyện, UBND xã bị thu hồi đất, đại diện BQL KCN, Sở tài chính, Sở TN-MT sẽ lập một phương án đền bù, giải phóng mặt bằng sau đó Sở tài chính sẽ thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt trước khi chi trả cho những người có đất và tài sản gắn liền với đất. Phương án này được xây dựng trên cơ sở bảng giá tiền sử dụng đất được UBND tỉnh công bố vào đầu năm cũng như đơn giá các loại hoa màu, tài sản, mô mã, vật kiến trúc, vv

Thêm một điểm khác biệt trong thủ tục thuê đất và giải phóng mặt bằng mà Vĩnh Phúc đã thực hiện đó là tỉnh xây dựng quy hoạch trước các khu và cụm công nghiệp để giới thiệu với các NĐT. Thay vì việc NĐT phải đàm phán với tỉnh về địa điểm đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm giới thiệu cho NĐT các khu vực đã quy hoạch và hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục liên quan đến thuê đất và giải phóng mặt bằng.

**Về hình thức xúc tiến đầu tư:** Vĩnh Phúc tiến hành song song giữa việc kêu gọi các dự án thông qua các đối tác và tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư như tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư, tổ chức các đoàn thăm quan các nước đặc biệt là Nhật Bản để kêu gọi đầu tư. Hằng năm, Vĩnh Phúc dành khoảng 20 tỷ đồng để cho các lãnh đạo tham quan các nước có dự án đầu tư vào Vĩnh Phúc và tham gia các đoàn công tác của chính phủ, gặp mặt các đại sứ..., thông qua đó kéo thêm nhiều dự án từ những quốc gia này về Vĩnh Phúc. Đã thành thông lệ từ năm 2000, hàng năm UBND tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức "Buổi gặp mặt đầu xuân mới" với tất cả các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn để tạo diễn đàn và cơ hội cho các doanh nghiệp bày tỏ sự đánh giá, nhận xét của mình với sự điều hành, quản lý của tỉnh đối với họ.

***Về chính sách ưu đãi đầu tư:***

Đối với Vĩnh Phúc các ưu đãi riêng của tỉnh bao gồm:

- Kéo dài thời gian thuê đất trong một số năm nhất định tùy theo dự án và địa điểm thực hiện dự án. Cụ thể ở quyết định số 2475- UBND tỉnh Vĩnh Phúc có ghi rõ: Ngoài việc được miễn tiền thuê đất theo quy định của nhà nước, các doanh nghiệp đầu tư vào Vĩnh Phúc còn được miễn thêm như sau:

+ Dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất trên địa bàn huyện Lập Thạch và các xã miền núi của huyện Tam Dương, Bình Xuyên, Mê Linh được miễn thêm 8 năm, đầu tư vào các KCN, CNN và các địa bàn khác được miễn thêm 5 năm.

+ Các dự án đầu tư xây dựng khu chung cư cao tầng để cho thuê ở đô thị, phục vụ KCN và CNN; các dự án xây dựng công trình văn hoá thể thao, vui chơi giải trí phục vụ nhân dân; các dự án chế biến nông sản thực phẩm sử dụng trên 30% nguyên liệu của địa phương được miễn 100% tiền thuê đất 49 năm.

Rõ ràng một tỉnh có vị trí thuận lợi như Vĩnh Phúc, với những ưu đãi này càng tô đậm thêm vẻ hấp dẫn của tỉnh đối với các NĐT so với các địa phương khác.

- Ngoài ra, để hỗ trợ hơn nữa NĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc còn ứng trước tiền đền bù giải phóng mặt bằng. Đối với một số KCN, Tỉnh đã áp dụng cơ chế này bằng cách dùng Ngân sách tỉnh để ứng trước tiền bồi thường và giải phóng mặt bằng rồi NĐT đầu tư hạ tầng KCN hoặc NĐT đầu tư vào KCN sẽ hoàn trả sau. Kết quả là hầu hết các lô đất trong KCN được cho thuê sau khi đã đền bù và giải phóng mặt bằng.

- Đối với Vĩnh Phúc, tỉnh hỗ trợ xây dựng hạng mục trong hệ thống kết cấu hạ tầng công cộng cần thiết cho những xã, phường, thị trấn bị thu hồi đất để triển khai dự án đầu tư. Mức hỗ trợ là 20% tổng giá trị đền bù theo chính sách hiện hành của Nhà nước nhưng không vượt quá 03 tỷ đồng Việt Nam. Đối với những dự án có diện tích đất ruộng bị thu hồi một lần trên 20 ha trở lên làm đất công nghiệp, UBND tỉnh xem xét và có quyết định theo từng dự án cụ thể. Mặc dù đây là khoản ưu đãi mang tính xây dựng hạ tầng địa phương nhưng thực tế nó như là một khoản ưu đãi cho NĐT đối với hạ tầng ngoài KCN.

#### *1.2.1.2 Tỉnh Thái Nguyên*

##### ***Về cơ chế quản lý hoạt động đầu tư***

Theo quy định của tỉnh Thái Nguyên thì Ban quản lý các KCN Thái Nguyên [17] là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên, thực hiện chức năng quản lý trực tiếp đối với các KCN trên địa bàn tỉnh; Thực hiện theo quy

định của pháp luật các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao và uỷ quyền như: Đăng ký đầu tư; thẩm tra và cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt của các khu công nghiệp nhưng không làm thay đổi chức năng sử dụng khu đất và cơ cấu quy hoạch; xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản trong khu công nghiệp cho tổ chức có liên quan.

Việc tiếp nhận, thẩm định, cấp giấy phép đầu tư cho các dự án trong nước và dự án đầu tư nước ngoài vào các KCN của Thái Nguyên được thực hiện theo cơ chế: “một cửa, tại chỗ” tại văn phòng của Ban quản lý. Các dự án đầu tư ngoài KCN sẽ do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, thẩm định và trình UBND tỉnh cấp giấy phép đầu tư.

Mô hình này, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong tỉnh sẽ rõ ràng hơn và trách nhiệm giữa các bộ phận cũng rõ hơn. Tổ chức cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh chỉ phải qua một đầu mối duy nhất là Văn phòng Ban quản lý các KCN và Thu hút Đầu tư của tỉnh. Bộ phận này có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và thông báo tính hợp lệ của bộ hồ sơ, nếu bộ hồ sơ phù hợp với những quy định của Nhà nước thì viết phiếu biên nhận và hẹn ngày trả kết quả. Nếu hồ sơ chưa đủ thủ tục, chưa hợp lệ thì bộ phận tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức cá nhân hoàn tất thủ tục. Sau khi nhận hồ sơ hợp lệ văn phòng chuyển lãnh đạo cho ý kiến trong vòng một ngày và chuyển cho các phòng ban chuyên môn xem xét, nghiên cứu hoàn tất TTHC theo quy định như sau: đăng ký cấp giấy phép đầu tư 05 ngày(tối đa), thẩm định cấp phép đầu tư 20 ngày(tối đa), điều chỉnh cấp giấy phép đầu tư 05 ngày( tối đa).

### ***Về Môi trường đầu tư***

Thái Nguyên giàu tiềm năng, lợi thế có thể cạnh tranh và tạo sức hút lớn với các NĐT. Tỉnh có vị trí địa lý chiến lược, là trung tâm vùng Trung du

và miền núi phía Bắc, nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội, có điều kiện liên kết và hợp tác phát triển lâu dài với các địa phương trong khu vực. Được thiên nhiên ưu đãi và sở hữu nguồn tài nguyên phong phú, Thái Nguyên còn hấp dẫn các NĐT bởi hệ thống hạ tầng điện, giao thông, đô thị và công nghiệp đồng bộ, hiện đại. Đặc biệt, di chuyển bằng đường bộ từ trung tâm Thành phố Thái Nguyên về Thủ đô Hà Nội chỉ mất hơn 60 phút và đến sân bay Nội Bài chỉ khoảng 30 phút đến 35 phút, điều mà không phải địa phương nào cũng có. Cùng với đó, NĐT hoàn toàn yên tâm về nguồn lực lao động, nhất là lao động đã qua đào tạo, bởi Thái Nguyên là một trong những trung tâm giáo dục - đào tạo lớn của cả nước với hàng chục trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Điều đáng nói, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn nhất quán quan điểm “thân thiện, đồng hành cùng doanh nghiệp”, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho NĐT. Đi kèm với đó là hệ thống các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư hấp dẫn, trong đó có những chính sách ưu đãi đặc biệt về thuế, đất đai, hạ tầng.

Những năm qua, chính quyền tỉnh Thái Nguyên luôn thực hiện tốt chủ trương “ba đồng hành, năm hỗ trợ doanh nghiệp”, tạo điều kiện thuận lợi nhất để NĐT triển khai các dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định. Bằng chứng là những năm gần đây, các chỉ số quan trọng như: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số đo lường sự hài lòng về CCHC (PAR INDEX) của tỉnh luôn được cải thiện và xếp thứ hạng thuộc tốp cao trong toàn quốc. NĐT đến Thái Nguyên sẽ được cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin về đầu tư. Các thủ tục đầu tư đều được giải quyết theo cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”. Đối với những dự án quy mô lớn, UBND tỉnh sẽ thành lập ban chỉ đạo hoặc tổ công tác để hỗ trợ NĐT triển khai dự án. Đặc biệt, tỉnh chủ trương rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC hơn so với quy định, nhất là

các thủ tục về chấp thuận đầu tư và thẩm định thiết kế các dự án đầu tư. Trong đó, một số thủ tục được rút ngắn tới một nửa thời gian so với quy định.

***Về hình thức xúc tiến đầu tư:***

Những năm qua, Thái Nguyên đã thường xuyên có những giải pháp quan tâm cải thiện môi trường đầu tư. Thông qua các buổi tiếp xúc, gặp gỡ với các doanh nghiệp, doanh nhân, tỉnh đã tích cực quảng bá, giới thiệu các tiềm năng, thế mạnh, cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, các lĩnh vực, dự án, công trình trọng điểm kêu gọi, thu hút đầu tư

Trước thềm Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2018 diễn ra vào ngày 1/7, tại Tọa đàm trực tuyến “Thái Nguyên, tiềm năng phát triển và cơ hội đầu tư”. Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên Vũ Hồng Bắc đã trả lời nhiều vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách, môi trường đầu tư, những lợi thế và tiềm năng sẵn có của tỉnh. Theo đó, Chủ tịch Vũ Hồng Bắc khẳng định, trong sự phát triển của tỉnh Thái Nguyên, luôn quan tâm, đánh giá cao vai trò và những đóng góp của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân. Kinh nghiệm của Thái Nguyên trong những năm qua là tạo môi trường tốt nhất để doanh nghiệp có cơ hội đầu tư phát triển. Chính quyền Tỉnh cam kết tạo mọi điều kiện để đồng hành hỗ trợ các doanh nghiệp.

“Thái Nguyên luôn coi trọng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, đầu tư theo quy hoạch, đặc biệt coi trọng chất lượng quy hoạch. Địa phương nào quy hoạch tốt thì giá trị địa tô đó sẽ tăng và đầu tư có tính bền vững cao”, ông Bắc khẳng định. Thái Nguyên là một trong những địa phương quan tâm nhiều đến hạ tầng đồng bộ, theo hướng tạo điều kiện liên kết các ngành kinh tế công nghiệp gắn với nông nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ. Tỉnh cũng coi trọng cải cách TTHC, đặc biệt là nâng cao năng lực cạnh tranh, chỉ số quản trị hành chính công, chỉ số cải cách TTHC, thể hiện ở chỉ số PCI luôn được quán triệt một cách đầy đủ đến các ngành, các địa phương và coi đây là

một trong những chỉ tiêu thi đua đối với các cấp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt [11]

***Về cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, nhất là những cam kết hỗ trợ đầu tư***

Tỉnh Thái Nguyên đã và đang triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư. Trong đó, có những chính sách về miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn thuế xuất, nhập khẩu đối với từng trường hợp cụ thể. Với những dự án quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, tỉnh phối hợp với NĐT nghiên cứu trình Chính phủ cho áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt. Tỉnh đã thành lập đường dây nóng của Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh để tiếp nhận thông tin và giải quyết ngay các kiến nghị từ phía doanh nghiệp. Tỉnh cam kết hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp khi có nhu cầu mở rộng sản xuất, thay đổi phương án sản xuất, kinh doanh, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Ngoài ra, sẽ bảo đảm an ninh trật tự ngoài hàng rào doanh nghiệp, các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm an toàn về tính mạng, tài sản cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lao động, cung cấp nguồn lao động có kỹ thuật và ý thức tổ chức kỷ luật. Tỉnh cam kết đầu tư lưới điện đến chân hàng rào dự án tại các khu, cụm công nghiệp và cung cấp đủ điện 24/24 giờ. Cùng với đó, sẽ hỗ trợ tốt nhất công tác giải phóng mặt bằng cho NĐT... [16].

***1.2.2 Bài học kinh nghiệm trong xây dựng chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư cho tỉnh Lào Cai***

Từ những kinh nghiệm của cả nước và một số địa phương trong xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư nhóm nghiên cứu rút ra một số bài học cho tỉnh Lào Cai như sau:

1. Phải thật sự coi trọng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, đầu tư theo quy hoạch, đặc biệt coi trọng chất lượng quy hoạch. Coi trọng cải cách

TTHC, đặc biệt là nâng cao năng lực cạnh tranh, chỉ số quản trị hành chính công, chỉ số cải cách TTHC (bài học kinh nghiệm của tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc).

2. Xây dựng Cơ chế quản lý hoạt động đầu tư, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý hoạt động đầu tư. Việc tiếp nhận, thẩm định, cấp giấy phép đầu tư cho các dự án trong nước và dự án đầu tư nước ngoài vào các KCN phải được thực hiện theo cơ chế: “một cửa, tại chỗ” cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông”. Đồng thời có cơ chế phối hợp rõ ràng và gắn trách nhiệm giữa các đơn vị, giữa các bộ phận liên quan trong tỉnh. Với cơ chế quản lý này các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh chỉ phải qua một đầu mối duy nhất là Văn phòng Ban quản lý các KCN và Thu hút đầu tư của tỉnh (bài học kinh nghiệm của tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc).

3. Tạo dựng môi trường đầu tư hấp dẫn, lợi thế cạnh tranh và sức hút lớn với các NĐT bởi hệ thống hạ tầng điện, giao thông đô thị và công nghiệp đồng bộ, hiện đại (bài học kinh nghiệm tỉnh Vĩnh Phúc).

4. Cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn nhất quán quan điểm “thân thiện, đồng hành cùng doanh nghiệp”, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho NĐT. Đi kèm với đó là hệ thống các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư hấp dẫn, trong đó có những chính sách ưu đãi đặc biệt về thuế, đất đai, hạ tầng (bài học kinh nghiệm tỉnh Thái Nguyên).

5. Có những cơ chế, chính sách về miễn, giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp và miễn thuế xuất, nhập khẩu đối với từng trường hợp cụ thể. Với những dự án quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, tỉnh phối hợp với NĐT nghiên cứu trình Chính phủ cho áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt (bài học kinh nghiệm tỉnh Thái Nguyên).



## CHƯƠNG 2

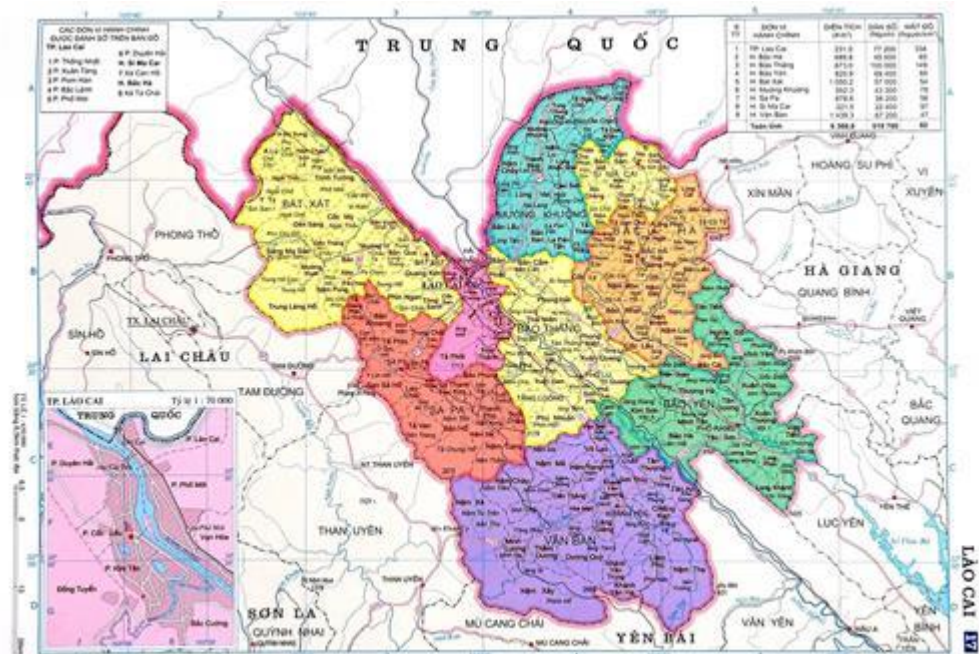
### THỰC TRẠNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THU HÚT VÀ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2015 - 2017

#### 2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Tỉnh Lào Cai có 9 đơn vị hành chính gồm 1 thành phố (Lào Cai) và 8 huyện (Bảo Thắng, Bảo Yên, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Sa Pa, Bát Xát, Văn Bàn) [7].

##### 2.1.1 Vị trí địa lý

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới, nằm chính giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc của Việt Nam, cách Hà Nội 296 km theo đường sắt và 265 km theo đường bộ. Phía đông giáp tỉnh Hà Giang; phía tây giáp tỉnh Sơn La và Lai Châu; phía nam giáp tỉnh Yên Bái, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với 203 km đường biên giới. Diện tích tự nhiên: 6.383,88 km<sup>2</sup> (chiếm 2,44% diện tích cả nước).



Hình 2.1: Bản đồ hành chính tỉnh Lào Cai.

Nguồn: [laocai.gov.vn](http://laocai.gov.vn)

### **2.1.2 Điều kiện tự nhiên**

**Địa hình:** Địa hình Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh. Do địa hình chia cắt nên phân đai cao thấp khá rõ ràng, trong đó độ cao từ 300m - 1.000m chiếm phần lớn diện tích toàn tỉnh. Điểm cao nhất là đỉnh núi Phan Xi Păng trên dãy Hoàng Liên Sơn có độ cao 3.143m so với mặt nước biển, Tả Giàng Phình: 3.090m [7].

Dải đất dọc theo sông Hồng và sông Chảy gồm thành phố Lào Cai - Cam Đường - Bảo Thắng - Bảo Yên và phần phía đông huyện Văn Bàn thuộc các đai độ cao thấp hơn (điểm thấp nhất là 80 m thuộc địa phận huyện Bảo Thắng), địa hình ít hiểm trở hơn, có nhiều vùng đất đồi thoải, thung lũng, là địa bàn thuận lợi cho sản xuất nông lâm nghiệp hoặc xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng.

**Khí hậu:** Lào Cai có khí hậu nhiệt đới gió mùa và chia làm hai mùa: mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình ở vùng cao từ 15 độ C – 20 độ C (riêng Sa Pa từ 14 độ C – 16 độ C) ở vùng thấp từ 23 độ C – 29 độ C, lượng mưa trung bình từ 1.400mm - 2.000mm. Khí hậu Lào Cai rất thích hợp với các loại cây ôn đới, vì vậy Lào Cai có lợi thế phát triển các đặc sản xứ lạnh mà các vùng khác không có được như: hoa, quả, thảo dược và cá nước lạnh [7].

**Đất:** Lào Cai có diện tích tự nhiên rộng 636.403,20 ha (tính ở thời điểm 01/01/2018), độ phì nhiêu cao, rất màu mỡ, đa dạng bao gồm 10 nhóm đất với 30 loại đất chính, phù hợp với nhiều loại cây trồng khác nhau. Trong đó: Đất nông nghiệp 480.983,0 ha, riêng đất sản xuất nông nghiệp có 134.951,56 ha, đất lâm nghiệp 343.447,88 ha; đất phi nông nghiệp 33.704,75 ha trong đó đất chuyên dùng 19.231,85 ha, đất ở 5.166,95 ha, đất phi nông nghiệp khác 30,88 ha; đất chưa sử dụng 121.715,45 ha [13].

**Nước:** Lào Cai có hệ thống sông suối dày đặc được phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh với 2 con sông lớn chảy qua là sông Hồng (130 km chiều dài chảy qua tỉnh) và sông Chảy bắt nguồn từ Vân Nam (Trung Quốc) có chiều dài đoạn chảy qua tỉnh là 124km. Ngoài 2 con sông lớn, trên địa bàn tỉnh còn có hàng nghìn sông, suối lớn nhỏ (trong đó có 107 sông, suối dài từ 10km trở lên) [4]. Đây là điều kiện thuận lợi cho Lào Cai phát triển các công trình thủy điện vừa và nhỏ.

**Rừng:** *Thực vật rừng:* rất phong phú cả về số lượng loài và tính điển hình của thực vật. Riêng tại khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên Sơn đã phát hiện được 847 loài thực vật thuộc 164 họ, 5 ngành, trong đó có nhiều loại quý hiếm như: Lát Hoa, Thiết Sam, Đinh, Nghiến,...; *động vật rừng:* theo các tài liệu nghiên cứu, Lào Cai có 442 loài chim, thú, bò sát, ếch nhái. Trong đó thú có 84 loài thuộc 28 họ, 9 bộ; chim có 251 loài thuộc 41 họ, 14 bộ; bò sát có 73 loài thuộc 12 họ,... [4].

**Khoáng sản:** Tới nay đã phát hiện được 150 mỏ và điểm mỏ với trên 30 loại khoáng sản, trong đó có một số mỏ khoáng sản đã được thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng thuộc loại quy mô lớn nhất nước và khu vực như: mỏ A Pa Tit Cam Đường với trữ lượng 2,5 tỷ tấn, mỏ sắt Quý Sa trữ lượng 124 triệu tấn, mỏ đồng Sin Quyền trữ lượng 53 triệu tấn, mỏ Molipden Ô Quy Hồ trữ lượng 15,4 nghìn tấn [4]. Nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú và đa dạng là cơ sở để ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản khẳng định là ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh.

**Tài nguyên du lịch:** Với hơn 20 dân tộc cùng sinh sống, Lào Cai trở thành mảnh đất phong phú về bản sắc văn hóa, về truyền thống lịch sử, di sản văn hóa. Việc các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai cùng phối hợp tiến hành khai thác *du lịch về cội nguồn* chính là phát huy thế mạnh này và đã thu hút được dự quan tâm của du khách.

Trọng tâm là khu du lịch nghỉ mát Sa Pa - một trong 21 trọng điểm du lịch của Việt Nam. Sa Pa nằm ở độ cao trung bình từ 1.200m - 1.800m, khí hậu mát mẻ quanh năm, có phong cảnh rừng cây núi đá, thác nước và là nơi hội tụ nhiều hoạt động văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc như chợ vùng cao, chợ tình Sa Pa,...

Đỉnh núi Phan Xi Păng - nóc nhà của Việt Nam, dãy núi Hoàng Liên Sơn và khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên hấp dẫn nhiều nhà khoa học, khách du lịch.

Lào Cai có nhiều địa danh lịch sử, hang động tự nhiên và các vùng sinh thái nông nghiệp đặc sản như mận Bắc Hà, rau ôn đới, cây dược liệu quý, cá hồi (Phần Lan), cá tầm (Nga)... Và đặc biệt, đây còn là nơi mang đậm nét đặc trưng văn hoá độc đáo của nhiều dân tộc anh em.

Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu cũng là một điểm du lịch thú vị mà điểm dừng chân không thể là nơi nào khác ngoài thành phố Lào Cai [4].

Là tỉnh miền núi cao, đang phát triển nên Lào Cai còn giữ được cảnh quan môi trường đa dạng và trong sạch. Đây sẽ là điều quan trọng tạo nên một điểm du lịch lý tưởng đối với du khách trong và ngoài nước.

### **2.1.3 Dân cư**

Dân số toàn tỉnh năm 2017: 694.416 người, mật độ dân số bình quân: 109 người/km<sup>2</sup> [10]. Dân tộc: Có 25 nhóm ngành dân tộc cùng chung sống hoà thuận, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 64,09% dân số toàn tỉnh. Các dân tộc thiểu số phân bố, cư trú trên địa bàn 9/9 huyện, thành phố của tỉnh. Tỉnh Lào Cai được chia làm 3 khu vực:

- Khu vực I: Là các xã có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thuận lợi. Chủ yếu là các xã ở vùng thấp, gần trung tâm các huyện, thành phố, giao thông và các dịch vụ xã hội thuận lợi.

- Khu vực II: Là các xã có điều kiện phát triển kinh tế- xã hội khó khăn, phần lớn các xã này nằm ở vùng sâu, vùng xa, giao thông đi lại còn tương đối khó khăn; các dịch vụ xã hội cơ bản đã được đáp ứng tương đối tốt

- Khu vực III: Là các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các xã ở vùng sâu vùng biên giới, xa các trung tâm huyện, thành phố; địa hình bị chia cắt mạnh, giao thông đi lại còn rất nhiều khó khăn; các dịch vụ xã hội còn hạn chế.

#### **2.1.4 Tiềm năng**

+ **Tiềm năng kinh tế:** Lào Cai có vị trí địa lý thuận lợi, nơi có hai con sông Hồng và sông Chảy, có cửa khẩu quốc tế Lào Cai và có nhiều tiềm năng khác thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đối ngoại và du lịch. Lào Cai nổi tiếng với khu du lịch Sa Pa, là nơi có khí hậu, thời tiết mát mẻ vào mùa hè, hấp dẫn du khách nhiều nơi trên thế giới tới du lịch.

Lào Cai là một tỉnh giàu tài nguyên khoáng sản và nguồn tài nguyên rừng rất phong phú và đa dạng, là cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản.

Cặp cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu nằm trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Hải Phòng, là cửa ngõ lớn và thuận lợi nhất để phát triển thương mại, du lịch giữa Việt Nam với vùng Tây Nam - Trung Quốc (gồm 11 tỉnh, thành phố, diện tích hơn 5 triệu km<sup>2</sup> và dân số hơn 380 triệu người); là con đường ngắn nhất, thuận tiện nhất từ tỉnh Vân Nam, vùng Tây Nam - Trung Quốc ra cảng Hải Phòng và nối với vùng Đông Nam Á. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai hội tụ đủ các loại hình vận tải: đường sắt, đường bộ, đường sông và tương lai sẽ có cả đường hàng không. Là cửa khẩu quốc tế duy nhất của Việt Nam có vị trí nằm ngay trong thị xã tỉnh lỵ có hệ thống hạ tầng và dịch vụ khá phát triển. Hiện nay, cửa khẩu quốc tế Lào Cai đã và đang được tập trung xây dựng thành cửa khẩu văn minh, hiện đại, đủ điều kiện trở thành nơi trung chuyển

hàng hoá lớn giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước ASEAN, từng bước chuẩn bị cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc [4].

+ **Tiềm năng du lịch:** Lào Cai có tiềm năng lớn để phát triển ngành du lịch với các loại hình nghỉ dưỡng, sinh thái, leo núi, văn hoá. Thiên nhiên ban tặng cho Lào Cai nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng gắn với các địa danh Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương,... Trong đó, khu du lịch Sa Pa rất nổi tiếng trong nước và quốc tế; là một trong các trọng điểm du lịch của quốc gia. Số khách du lịch đến Lào Cai năm 2002 là 350.000 người; khách xuất nhập cảnh qua cửa khẩu quốc tế năm 2002 đạt 1,4 triệu lượt người. Năm 2003, khu du lịch Sa Pa tròn 100 tuổi.

Tiếp giáp với Lào Cai là tỉnh Vân Nam – Trung Quốc, một trong 4 tỉnh, thành phố có kinh tế du lịch phát triển nhất Trung Quốc (sau Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Đông), hàng năm có tới 2,5 triệu lượt khách quốc tế; đa số du khách đến Vân Nam đều muốn sang du lịch Việt Nam qua cửa khẩu Lào Cai và ngược lại [4]

Tăng trưởng kinh tế tỉnh Lào Cai được duy trì ổn định; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm của tỉnh (GRDP) năm 2017 đạt 10,15%, duy trì cơ cấu kinh tế tích cực, hợp lý (tỷ trọng trong tổng GRDP: Ngành công nghiệp — xây dựng 43,2%; dịch vụ chiếm 42,56%; nông nghiệp 14,24%); GRDP bình quân đầu người đạt 51,2 triệu đồng, tăng 11,3% so năm 2016. Nông lâm thủy sản tăng 6,23%; Công nghiệp — Xây dựng tăng 11,59%; Dịch vụ tăng 10,08%. Bát Xát 74,6 ha/90ha KH; Bảo Yên 100 ha/80ha KH; Mường Khương 261,4 ha/260ha KH và Bảo Thắng 28,8 ha/25ha KH.[13]

**Bảng 2.1: Cơ cấu kinh tế tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015-2017**

ĐVT: %

<b>Ngành</b>	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>
Nông- lâm nghiệp thủy sản	32,55	29,02	14,24
CN-TTCN- Xây dựng	41,37	42,28	43,2
Du lịch- Dịch vụ	26,08	28,7	42,56
Tổng số	100	100	100

*Nguồn: Báo cáo KTXH tỉnh Lào Cai năm 2017*

Qua bảng trên ta thấy, kinh tế tỉnh Lào Cai có sự phát triển theo hướng tích cực, hiện đại trong giai đoạn vừa qua. Thể hiện ở tỷ trọng nông lâm nghiệp thủy sản có xu hướng giảm còn tỷ trọng các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, du lịch và dịch vụ có xu hướng tăng và tăng mạnh nhất vào năm 2017. Đặc biệt, ngành du lịch, dịch vụ đang phát triển với tốc độ nhanh chóng, chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế tỉnh Lào Cai với 42,56% năm 2017, tăng 13,86% so với năm 2016. Đó là do trong những năm vừa qua tỉnh tập trung nguồn lực phát triển các điểm du lịch tại Sa Pa, Bảo Hà, khai thác lợi thế tự nhiên, phát triển du lịch homestay...

## **2.2. Thực trạng cơ chế chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư của tỉnh Lào Cai**

### **2.2.1. Hệ thống cơ chế chính sách thu hút và sử dụng vốn đầu tư tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017**

Để thu hút vốn đầu tư, tỉnh Lào Cai đã ban hành một loạt các chủ trương, chính sách nhằm:

- Đẩy nhanh công tác quy hoạch phát triển KT - XH, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các khu công nghiệp, khu đô thị...trên địa bàn.

- Tập trung lực lượng hỗ trợ cho công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư... để kịp thời bàn giao đất sạch cho xây dựng các khu công nghiệp theo quy hoạch được duyệt.

- Áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn theo đúng những quy định của Nhà nước và của tỉnh Lào Cai.

Trong giai đoạn 2012 - 2017 định hướng thu hút đầu tư của Lào Cai nói chung được thể hiện rõ trên từng lĩnh vực cụ thể đó là: Lĩnh vực phát triển thương mại - dịch vụ: tỉnh khuyến khích đầu tư các dự án phát triển dịch vụ tại khu du lịch Sa Pa. Các dự án trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch tại trung tâm huyện lỵ. Trong lĩnh vực du lịch, nông nghiệp ôn đới công nghệ cao: Ưu tiên thu hút các dự án phát triển du lịch tại địa phương có nhiều thế mạnh đặc thù, phát triển về du lịch tại các huyện Sa Pa, Bắc Hà; các dự án nông nghiệp quy mô sản xuất lớn, công nghệ cao trong chuỗi sản xuất – cung ứng phân phối ổn định trên cơ sở đặc thù khí hậu của một số vùng của tỉnh Lào Cai như các dự án nuôi trồng thủy sản nước lạnh, khu chăn nuôi tập trung đại gia súc lớn. Trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng cơ bản tỉnh ưu tiên các dự án chế biến sâu khoáng sản; các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; các dự án hoạt động trên các ngành công nghiệp phụ trợ, vật liệu mới; các dự án phát triển đô thị, khu dân cư.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các NĐT, tỉnh Lào Cai đã có những chính sách riêng ưu đãi về đầu tư; thường xuyên duy trì cơ chế đối thoại, xúc tiến đầu tư giữa chính quyền tỉnh và cộng đồng doanh nghiệp, NĐT qua đó thông báo định hướng, chủ trương phát triển của tỉnh tới các doanh nghiệp, NĐT; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đề ra cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; xúc tiến đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Tỉnh Lào Cai cũng có những cam kết cụ thể với các NĐT với 9 nội dung [1]:



(1) Giảm tối đa TTHC về đầu tư, đăng ký đầu tư; đối với cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không quá 02 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định ...);

(2) Thủ tục thuế, hải quan thuận lợi, nhanh chóng;

(3) Cung cấp lao động có chất lượng phù hợp cho các NĐT;

(4) Đảm bảo cung cấp nước sạch cho doanh nghiệp; cung cấp nước sản xuất cho dự án trong khu, cụm công nghiệp;

(5) Hệ thống cung cấp điện ổn định, chất lượng cho doanh nghiệp;

(6) Có cơ quan chuyên trách giúp NĐT GPMB, làm các thủ tục về đất đai trong thời gian nhanh nhất và đúng quy định;

(7) Không có đình công và bãi công;

(8) Đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn;

(9) Thành lập, công bố đường dây nóng của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai và giải quyết trực tiếp tức thì các thông tin từ các NĐT (0888.289.289).

Những cam kết trên, khẳng định quyết tâm của tỉnh Lào Cai luôn trân trọng chào đón các NĐT trong và ngoài nước đã, đang và sẽ đến đầu tư, kinh doanh tại Lào Cai. Sự thành công, thịnh vượng, phát đạt của các doanh nghiệp chính là sự phát triển của Lào Cai. “Doanh nghiệp phát tài, Lào Cai phát triển” - đó là khẩu hiệu mà trong những năm qua luôn được Lào Cai xác định và quyết tâm thực hiện.

Bên cạnh những cam kết cụ thể với các NĐT, tỉnh Lào Cai cũng đã có một số chính sách ưu đãi về đầu tư đối với NĐT. Cụ thể đối với các NĐT ngoài khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai sẽ được ưu đãi về tiền thuê đất: thời gian thuê đất bằng với thời gian của đời dự án, tối đa không quá 50 năm; miễn tiền thuê đất 7 năm đối với các dự án đầu tư thông thường; miễn tiền thuê đất 11 năm đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục lĩnh vực khuyến

khích đầu tư; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo. Mức thuế suất thông thường áp dụng từ ngày 1/1/2014 là 22%, từ ngày 1/1/2016 là 20%. Trong giải phóng mặt bằng: các cơ quan chức năng liên quan sẽ hỗ trợ nhà đầu tư triển khai các bước theo quy định để giải phóng mặt bằng, tạo mặt bằng sạch cho nhà đầu tư... Ưu đãi về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng và giải phóng mặt bằng: đối với các công trình đầu tư xây dựng ngoài hàng rào dự án trong các KCN, khu du lịch được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN hoặc nguồn vốn của các doanh nghiệp. Đối với các công trình trong hàng rào của dự án: hỗ trợ tối đa 30% kinh phí GPMB trong hàng rào của dự án trong các khu du lịch. (đối với các dự án du lịch có tầm quan trọng đặc biệt, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực hội đồng nhân dân tỉnh có quy định cụ thể). NSNN cấp 100% kinh phí giải phóng mặt bằng trong các KCN; ưu đãi lãi suất vay vốn, lãi suất cho thuê tài chính và phí cung cấp các dịch vụ của ngân hàng và các tổ chức tín dụng; các dự án đầu tư vào các KCN, khu du lịch được các ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn tỉnh cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và cho thuê tài chính với lãi suất giảm từ 5% đến 10% so với lãi suất cho vay vốn và lãi suất cho thuê tài chính đối với khách hàng bình thường. Ưu đãi phí cung cấp các dịch vụ ngân hàng: các ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn tỉnh thu phí thanh toán qua ngân hàng và các dịch vụ khác do ngân hàng cung cấp với mức thấp nhất trong khung phí hiện hành do ngân hàng cung cấp trên qui định; miễn thu phí dịch vụ tư vấn vay vốn và tư vấn xây dựng dự án kinh tế khi ngân hàng tư vấn cho doanh nghiệp; giảm 10% đến 15% mức phí cung cấp thông tin phòng ngừa rủi ro.

Giai đoạn từ 2012 - 2017, tỉnh Lào Cai đã ban hành các văn bản về công tác thu hút và ưu đãi đầu tư, cụ thể như sau:

Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 18/3/2012 của UBND tỉnh về thành lập tổ hỗ trợ doanh nghiệp về TTHC trong lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu hút và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai.

Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014 -2015.

Nghị quyết số 03/NQ-TU của BCH Tỉnh ủy về Chương trình xúc tiến đầu tư gắn với phát triển nguồn thu ngân sách;

Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phát triển du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2020;

Các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm của huyện thành đã được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt.

Văn bản số 5465/UBND-KT ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh về Nghiên cứu tiềm năng dự án thủy điện trên suối Thầu, huyện Sa Pa.

Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả sơ tuyển chọn NĐT thực hiện dự án Khu đô thị Mường Hoa, Sa Pa.

## ***2.2.2 Các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017***

### ***2.2.2.1 Công tác quy hoạch***

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2017, Tỉnh đã có quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH và quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

Đối với quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn gồm: quy hoạch về ngành công nghiệp; quy hoạch về ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; quy hoạch về ngành du lịch; quy hoạch ngành tài nguyên - môi trường; quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị; quy hoạch về ngành thương mại, dịch vụ; quy hoạch ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh; quy hoạch ngành tài chính- xây dựng. đã được phê duyệt là cơ sở quan trọng để mở rộng

đô thị, để báo cáo trung ương, tinh bố trí vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp.

Ngày 22/9/2015 Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định 1636/QĐ-TTg về phê duyệt tổng thể phát triển KT - XH tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong quyết định này cũng nêu rõ các quan điểm phát triển, mục tiêu phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực (Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch, các lĩnh vực xã hội như y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, bảo vệ môi trường), phát triển kết cấu hạ tầng, đưa ra định hướng tổ chức không gian lãnh thổ, danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư và các giải pháp để thực hiện quy hoạch.

Đến cuối năm 2017, sau 02 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 15, Lào Cai hoàn thành vượt mức toàn diện 25 chỉ tiêu chủ yếu đề ra. Trong đó nhiều chỉ tiêu vượt cao như: tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt trên 10%, thu nhập bình quân của người dân đạt 51,2 triệu đồng, tăng 11,3% so với năm trước, Lào Cai là tỉnh đứng thứ 2 trong khu vực các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, chỉ sau Thái Nguyên. Trong năm 2017 với các giải pháp vượt qua khó khăn của ngành chăn nuôi khi giá lợn hơi xuống thấp- người chăn nuôi cả nước thua lỗ nặng, nhưng Lào Cai vẫn duy trì được tổng đàn nhờ sự chuyển hướng sang chăn nuôi gia cầm, nuôi lợn bản địa, lợn giống mới. Trong lĩnh vực trồng trọt, người nông dân cũng đã chuyển đổi cơ cấu sang trồng cây dược liệu, trồng rau hoa chất lượng cao. Hiện toàn tỉnh có gần 1.300 ha sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cho ra nhiều sản phẩm có giá trị, cung cấp cho các thị trường khó tính. Người nông dân Lào Cai từ chỗ “ Tự sản tự tiêu” đang dần sản xuất theo hướng “ chuỗi”- liên kết với doanh nghiệp.

### 2.2.2.2 Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Cơ bản hoàn thành kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại trên toàn tỉnh, đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các trung tâm phát triển của tỉnh và các vùng, lãnh thổ các điểm dân cư trong tỉnh, đảm bảo kết nối dễ dàng với các vùng miền trong cả nước (đặc biệt là các tỉnh biên giới Đông Bắc và Tây Bắc) và quốc tế. Hệ thống hạ tầng thông tin bảo đảm phủ sóng trên toàn lãnh thổ và tiếp cận tới các vùng, miền, quốc tế với chất lượng dịch vụ cao và ổn định. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông, khoa học công nghệ hiện đại phục vụ xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiệu quả.

- Hạ tầng đô thị lớn trong tỉnh được đầu tư với các công trình hiện đại; hệ thống cấp nước đảm bảo nhu cầu tiêu dùng ở tiêu chuẩn cao theo tiêu chuẩn quốc tế, cấp điện đủ với chất lượng cao ổn định và hiệu quả.

- Đối với khu vực nông thôn: Áp dụng các mô hình nông thôn mới theo hướng bảo đảm phát triển bền vững có hệ thống hạ tầng giao thông thuận tiện và hạ tầng thông tin phát triển; thu hẹp dần khoảng cách về mức sống theo các tiêu chí về thu nhập, giáo dục và y tế chăm sóc sức khỏe giữa đô thị và nông thôn.

- Đối với khu vực đô thị: Cơ bản hình thành và ổn định mạng lưới đô thị. Hệ thống các đô thị ở Lào Cai được phát triển theo hướng kết hợp giữa hiện đại và thân thiện môi trường, tôn trọng bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống về kiến trúc. Khu vực ngoài các đô thị có kết cấu hạ tầng phát triển, đảm bảo văn minh đô thị với sự phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản ở trình độ cao, chất lượng cao.

Đặc biệt, vào đầu tháng 5/2017, HĐND tỉnh Lào Cai đã thông qua Nghị quyết nâng cấp huyện Sa Pa thành thị xã Sa Pa, nhằm xây dựng Sa Pa không chỉ là khu du lịch quốc gia mà phấn đấu trở thành khu du lịch quốc tế.

Đối với các NĐT, thông tin này càng đẩy mạnh quyết định "xuống tiền" nhanh chóng vào các dự án bất động sản Sa Pa, nhằm "đi trước đón đầu" trước khi giá trị của vùng đất này được đẩy lên cao.

### *2.2.2.3 Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng*

Các cơ quan thông tin tuyên truyền như: Báo Lào Cai, Đài phát thanh, đài Truyền hình của Tỉnh, Đài phát thanh truyền hình huyện Sa Pa thường xuyên dành thời lượng thích hợp, có chuyên mục tuyên truyền về chủ trương, nghị quyết thu hút đầu tư của huyện. Đặc biệt, với lợi thế tiềm năng du lịch lớn, Sa Pa được báo chí trong và ngoài nước, các website du lịch,... đăng tin liên tục, đây là lợi thế cực lớn trong công tác tuyên truyền để thu hút đầu tư vào Sa pa.

Thông qua các chuyên mục, chuyên trang, phóng sự đã phản ánh những điển hình tốt, những thuận lợi, khó khăn và những vướng mắc trong quá trình triển khai dự án đầu tư. Đồng thời, chỉ ra những yếu kém và hạn chế trong hoạt động quản lý nhà nước của hệ thống chính trị.

Từ đó đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về thu hút vốn đầu tư.

### *2.2.2.4 Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư*

Trong thời gian qua, ngoài nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, UBND tỉnh Lào Cai đã chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu để phát triển các hạng mục cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các khu vực, mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai. Đối với các công trình dịch vụ trong khu kinh tế (như khu vực kiểm hóa, dịch vụ kho bãi Logictis, khu phi thuế quan...), Tỉnh chủ động hợp tác, thu hút đầu tư trong và ngoài nước kết hợp với các nguồn vốn hợp pháp của địa phương để đầu tư theo hình thức PPP hoặc giao cho doanh nghiệp đầu

tư kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp. Có được kết quả trên là do những năm qua, công tác quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh Lào Cai đã có nhiều chuyển biến tích cực và đóng góp đáng kể vào sự phát triển KT - XH của địa phương. Các hoạt động, chương trình xúc tiến đầu tư được xây dựng, bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đảm bảo thu hút các VĐT trong và ngoài nước theo đúng định hướng phát triển KT - XH của tỉnh.

Về hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng du lịch Lào Cai, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, ưu tiên bố trí vốn để hỗ trợ Tỉnh thực hiện. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Lào Cai cần chủ động huy động thêm các nguồn vốn xã hội khác để hoàn thành các dự án theo tiến độ.

Kể từ khi Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực, giai đoạn 2006 đến 2017, Lào Cai thu hút được 29 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 574,7 triệu USD, bình quân mỗi dự án đạt 19,8 triệu USD. Trong đó, có 01 dự án đầu tư của Singapore; 21 dự án của NĐT Trung Quốc; 01 dự án của NĐT Hàn Quốc; 05 dự án của NĐT đến từ quốc gia khác [17].

Có được thành tích như trên đó là do tỉnh đã có chủ trương đúng đắn trong việc kêu gọi, xúc tiến các hoạt động đầu tư đúng hướng.

Công tác tuyên truyền quảng bá, xây dựng tài liệu, ấn phẩm, xúc tiến đầu tư được các sở, ban, ngành liên quan biên soạn phù hợp với nhu cầu của các NĐT. Rà soát, cập nhật bổ sung danh mục các dự án kêu gọi đầu tư và xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư. . ., giới thiệu tiềm năng, cơ hội, chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư của tỉnh Lào Cai trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương. Thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài và các cơ quan ngoại giao tại Việt Nam để tuyên truyền quảng bá và kêu gọi đầu tư vào tỉnh. Gửi các tài liệu, ấn phẩm của tỉnh tới các hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư tại các hội chợ thương mại trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh tổ chức các chương trình, hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, hỗ trợ chương trình xúc tiến đầu tư tại các huyện, thành phố trên địa bàn nhằm thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế và thế mạnh của tỉnh Lào Cai như kinh tế cửa khẩu, du lịch, nông nghiệp sạch... Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo tỉnh và các sở, ban, ngành của tỉnh với các NĐT, doanh nghiệp để xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, đảm bảo các dự án hoạt động có hiệu quả nhằm củng cố lòng tin của các NĐT, doanh nghiệp đối với môi trường đầu tư của tỉnh.

Tổ chức thu thập thông tin, nghiên cứu kinh nghiệm thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có thế mạnh như du lịch, phát triển kinh tế cửa khẩu, nông nghiệp sạch, phát triển đô thị...

Kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhưng không triển khai thực hiện hoặc triển khai chậm tiến độ, triển khai không đúng quy hoạch được duyệt... xử lý những vướng mắc, tạo điều kiện cho NĐT đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Phối hợp với Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Câu lạc bộ Nữ doanh nhân tỉnh trao đổi, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hội viên các hiệp hội và khách mời gặp gỡ giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh, tìm kiếm cơ hội đầu tư. Đối thoại giữa chính quyền và doanh nghiệp để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực về xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo nhân lực cho các dự án triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

#### *2.2.2.5 Xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức viên chức*

Đội ngũ cán bộ, công chức có vị trí hết sức quan trọng trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính, có vai trò quyết định đến sự phát triển



của đất nước, là người trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi luật pháp, quản lý mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội; tham mưu, hoạch định, tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra việc thực thi các đường lối, chính sách.

Việc đổi mới công tác quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là một trong những nội dung cơ bản của công cuộc CCHC được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm và đã thực hiện nhiều hoạt động cải cách trong công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, UBND tỉnh Lào Cai đã thực hiện đồng bộ các giải pháp từ khâu tuyển dụng đến đào tạo, bồi dưỡng, nhận xét, đánh giá cán bộ, công chức trong quá trình sử dụng. Qua kiểm tra kết quả cho thấy, 100% cán bộ, công chức, viên chức được quán triệt, phổ biến chỉ thị đã nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật viên chức và các văn bản có liên quan. Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đã nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, như: công chức, viên chức trong hoạt động công vụ luôn có tinh thần, thái độ trách nhiệm trong công tác và phục vụ nhân dân; có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt nội quy, quy chế của cơ quan đơn vị; có thái độ, ngôn ngữ đúng đắn trong giao tiếp; thực hiện chấp hành thời gian, giờ giấc làm việc theo quy định; không hút thuốc lá trong phòng làm việc; không sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trước và trong giờ hành chính, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực; gương mẫu trong việc hạn chế sử dụng rượu, bia, đồ uống có cồn trong công việc gia đình, xã hội. Khi thực hiện nhiệm vụ cán bộ, công chức, viên chức đã mặc trang phục gọn gàng, lịch sự và chấp hành đeo thẻ công chức, viên chức khi thực hiện nhiệm vụ. Thủ trưởng các đơn vị đã kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý công chức vi phạm quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở; những việc công chức, viên chức không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức.

#### 2.2.2.6 Công tác giải phóng mặt bằng

Để thực hiện mục tiêu phát triển của tỉnh, việc thu hồi đất cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội là điều tất yếu. Trong những năm qua, UBND tỉnh Lào Cai đã huy động tối đa các nguồn lực, tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để đẩy nhanh tiến độ các dự án, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, các dự án đầu tư nhận được sự ủng hộ cao của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Để thực hiện việc thu hồi đất và tái định cư nhân dân có đất bị thu hồi trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh đã ban hành hệ thống văn bản về công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách bài bản, đúng luật định. Từ các danh mục thu hồi đất, tái định cư, các chính sách hỗ trợ về kinh tế, đào tạo, chuyển đổi việc làm cho đồng bào được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc đảm bảo tốt công tác an sinh xã hội. Công tác tuyên truyền vận động người dân đã được chính quyền các địa phương quan tâm thực hiện. Công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư được thực hiện công khai minh bạch tại các vùng dự án. Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ động phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu tỉnh ban hành các danh mục dự án phải thu hồi đất theo các nghị quyết của HĐND tỉnh, đúng quy trình, quy định. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý về đất đai ở cơ sở đã được tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá nghiêm túc. Nhìn chung công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh trong những năm qua cơ bản được các địa phương thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, đáp ứng được tiến độ giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chủ đầu tư các dự án, chính quyền địa phương và người dân có sự phối hợp và đồng thuận cao trong việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng hỗ trợ tái định cư. Nhiều dự án, chủ đầu tư đã thực hiện tốt cam kết với người dân trong việc đền bù giải phóng mặt bằng, hỗ trợ

tái định cư; làm tốt công tác an sinh xã hội cho người dân tại các vùng bị thu hồi đất như hỗ trợ sản xuất, tạo công ăn việc làm, hỗ trợ học nghề cho người lao động bị mất đất, hỗ trợ chính quyền và người dân trong việc xây dựng nông thôn mới, thăm hỏi các hộ nghèo, gia đình chính sách trong các dịp lễ tết, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số bị thu hồi đất... Giúp cho cuộc sống của người dân bị thu hồi đất dần ổn định, yên tâm phát triển kinh tế. Một số dự án chủ đầu tư đã chủ động thay đổi phương án so với thiết kế ban đầu nên đã giảm được diện tích đất phải thu hồi, giảm chi phí đền bù và thiệt hại cho người dân. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đã đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế như công tác chỉ đạo điều hành đã có nhiều chuyển biến, song chưa có bước đột phá, những vi phạm trong quản lý, sử dụng đất vẫn còn, tình hình khiếu nại, tố cáo về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vẫn còn diễn biến phức tạp. Công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn các huyện, thành phố còn nhiều hạn chế, nên dễ xảy ra tình trạng người dân tự ý sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy định, làm nhà trên đất nông nghiệp, thực hiện cho tặng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng quy định. Việc lập hồ sơ địa chính đất đai còn nhiều bất cập, chưa có sự thống nhất và đồng bộ dẫn đến có sự chông chéo về chủ sử dụng đất, loại đất không đúng với thực tế sử dụng. Công tác lập và phê duyệt dự án đầu tư chưa được thực hiện sát với tình hình thực tế, đặc biệt là công tác lập và trình phê duyệt kinh phí thực hiện giải phóng mặt bằng của dự án...

UBND tỉnh đã ban hành quyết định 15/2015QĐ-UBND về ban hành đơn giá nhà cửa, cây trồng, kiến trúc vật nuôi trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác GPMB. Đồng thời, UBND tỉnh đã và đang quan tâm cân đối nguồn vốn để cấp cho công tác GPMB; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, kiểm đếm, xây dựng và trình phê duyệt phương án đền bù, GPMB; UBND tỉnh chỉ

đạo các sở, ngành, các cấp quan tâm phối hợp để đẩy nhanh tiến độ công tác GPMB. Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư với các dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN được ngân sách tỉnh ứng trước 30% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, với mức tối đa không quá 50 tỷ đồng cho một dự án. Với các dự án đầu tư thuộc danh mục kêu gọi đầu tư theo quyết định của UBND tỉnh, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, trong các khu du lịch được ngân sách tỉnh ứng trước 50% chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá tổng số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án mà NĐT phải nộp và theo các mức được tổng hợp trên bảng 2.2.

Chủ đầu tư các dự án chỉ được ứng trước khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định trên khi đã thực hiện chi trả đạt ít nhất 50% giá trị theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt.

**Bảng 2.2: Mức hỗ trợ tiền tái định cư khi giải phóng mặt bằng**

STT	Tổng mức đầu tư	Mức ứng trước tối đa cho một dự án
1	Dưới 50 tỷ đồng	3 tỷ đồng
2	Từ 50 tỷ đồng đến dưới 150 tỷ đồng	5 tỷ đồng
3	Từ 150 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng	7 tỷ đồng
4	Từ 500 tỷ đồng trở lên	10 tỷ đồng

*Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư Lào Cai*

Phần chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại (nếu có) do chủ đầu tư tự ứng trước để chi trả và được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án khi đi vào hoạt động, nhưng số tiền được trừ cộng với tiền được

NSNN ứng trước không quá tổng số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án mà NĐT phải nộp.

Tính đến năm 2017 tỉnh đã tập trung chỉ đạo đánh giá khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án để đề xuất biện pháp khắc phục, xây dựng kế hoạch chi tiết để đẩy nhanh tiến độ thực hiện đối với các dự án trọng điểm như: Dự án nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 152; dự án đường tránh quốc lộ 4D; dự án Khu hành chính mới, dự án chợ VH – BX khách, dự án Công viên văn hóa Sa Pa, dự án Khu ga đi cáp treo, công viên văn hóa Mường Hoa, Đường nối cao tốc, dự án đường nội thị vốn ODA, ...

#### *2.2.2.7 Cải cách thủ tục hành chính*

Đơn giản hóa TTHC, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là nhiệm vụ hết sức quan trọng và có ý nghĩa trong tiến trình thực hiện CCHC để thu hút đầu tư.

Cái khó trong công tác CCHC của tỉnh Lào Cai là trình độ của cán bộ còn hạn chế, vì thế, huyện đã tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để đưa đi đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn và tác phong làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời thường xuyên rà soát các TTHC (TTHC) theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, đề xuất cấp có thẩm quyền loại bỏ những thủ tục không cần thiết. Hàng năm, UBND tỉnh đều tổ chức tổng kết công tác CCHC để đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, qua đó có giải pháp khắc phục kịp thời. Song song đó, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cũng thể hiện được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác CCHC. Từ đó nhiều cơ quan, đơn vị có nhiều giải pháp, sáng kiến hay trong triển khai thực hiện CCHC.

Tiêu biểu là việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động quản lý và điều hành của đơn vị; tổ chức triển khai ứng dụng CNTT trên nền tảng xây dựng chính quyền điện tử như: Phần mềm quản lý văn bản

và điều hành, thư điện tử, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng tại bộ phận “một cửa”, dịch vụ công trực tuyến...; chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT, hệ thống mạng LAN nội bộ, hệ thống máy tính kết nối Internet cáp quang và kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng. Đến nay, cổng thông tin điện tử của tỉnh đã đăng tải trên 200 TTHC. Hầu hết các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh đều được đưa vào triển khai thực hiện dịch vụ công hành chính mức độ 2 [3].

Năm 2017 Cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch kiểm soát TTHC, lập danh mục đăng ký cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC. Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh CCHC đồng bộ toàn diện trong khối cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC; ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tỉnh.

Thực hiện liên thông đánh giá việc giải quyết các TTHC lên cổng TTĐT tỉnh, triển khai dịch vụ công từ mức độ 2 đến mức độ 3 trên phần mềm một cửa tích hợp dịch vụ công trực tuyến với 314 dịch vụ, trong đó 287 dịch vụ công mức độ 2 và 29 dịch vụ công mức độ 3 [3], góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong giải quyết các TTHC.

Thực hiện TTHC tại bộ phận “Một cửa” trên 05 lĩnh vực với 86 TTHC. Trong năm đã tiếp nhận 2.769 hồ sơ, trong đó: Đã giải quyết 2.630 hồ sơ (giải quyết đúng hạn: 1.935 hồ sơ; giải quyết quá hạn: 227 hồ sơ; trả lại do không đủ điều kiện: 468 hồ sơ) và đang giải quyết 139 hồ sơ (trong hạn: 122 hồ sơ; quá hạn: 17 hồ sơ) [3].

Để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, tỉnh tiếp tục chú trọng nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số CCHC nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ NĐT; phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh ứng dụng

CNTT trong các ngành, lĩnh vực; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bình đẳng cho mọi tổ chức, doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất, kinh doanh.

#### *2.2.2.8 Công tác thanh tra, kiểm tra sau cấp phép đầu tư*

Quản lý, giám sát sau cấp phép đối với các dự án đầu tư nhằm kiểm soát chặt chẽ công tác triển khai dự án, chấp hành pháp luật của các chủ đầu tư sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Qua đó giúp cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc phát sinh, cũng như những vi phạm của chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án, để có biện pháp chấn chỉnh, tháo gỡ và xử lý kịp thời theo thẩm quyền, góp phần bảo đảm cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng định hướng và đúng quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp.

### ***2.2.3 Kết quả thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2017***

#### *2.2.3.1 Kết quả thu hút vốn đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Lào Cai*

Kể từ khi Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực đến 2017, Lào Cai thu hút được nhiều dự án đầu tư. Tổng số vốn đầu tư có sự tăng trưởng qua 3 năm nghiên cứu, năm 2015 đạt 16.080.469 triệu đồng, năm 2016 đạt 17.960.918 triệu, năm 2017 đạt 19.307.282 triệu đồng. Trong bảng 2.3 thể hiện tổng nguồn vốn phân theo 3 tiêu chí. Phân theo cấp quản lý, vốn đầu tư chia thành vốn từ Trung ương và vốn tại địa phương, trong đó vốn địa phương là chủ yếu luôn chiếm khoảng 70% tổng nguồn vốn. Phân loại theo nguồn vốn thì vốn đầu tư của Nhà Nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Vốn đầu tư ngoài Nhà nước chiếm vị trí thứ hai, còn vốn FDI vẫn đang ở vị trí tương đối khiêm tốn. Nhìn chung, so với cả nước kết quả thu hút FDI của Lào Cai mới chỉ đạt được ở mức ở mức thấp, song so với khu vực các tỉnh miền núi nói chung và so với

điều kiện xuất phát điểm thấp của tỉnh Lào Cai tại thời điểm tái lập tỉnh năm 1991, kết quả thu hút FDI của Lào Cai trong giai đoạn vừa qua có thể đánh giá là đã đạt được những thành công bước đầu.

Tổng nguồn vốn thu hút được sử dụng vào 5 lĩnh vực: Vốn đầu tư XDCB, vốn đầu tư mua sắm TSCD không qua XDCB, vốn đầu tư sửa chữa nâng cấp TSCD, vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động, vốn đầu tư khác. Trong đó, vốn đầu tư XDCB và vốn đầu tư mua sắm TSCD không qua XDCB chiếm tỷ trọng lớn nhất.

tiến độ triển khai và chất lượng thực hiện dự án FDI trên địa bàn tỉnh Lào Cai đạt được nhiều kết quả khả quan, vốn đầu tư giải ngân tăng mạnh qua các năm. Kết quả thu hút và sử dụng vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai được cụ thể trong bảng 2.3.

**Bảng 2.3: Kết quả thu hút vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai  
giai đoạn 2015-2017**

ĐVT: Triệu đồng

Tiêu chí \ Năm	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)
1. Phân theo cấp quản lý						
- Trung ương	5.442.347	33,84	5.513.856	30,7	6.157.847	31,89
- Địa phương	10.638.122	66,16	12.447.062	69,3	13.149.435	68,11
2. Phân theo cấu thành						
-Đầu tư XDCB	12.367.840	76,91	13.689.758	76,22	14.588.315	75,56
Đầu tư mua sắm TSCD không qua	2.097.468	13,04	2.321.808	12,93	2.307.172	11,95



Tiêu chí	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)
XDCB						
- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp TSCD	688.111	4,28	608.375	3,39	808.191	4,19
- Đầu tư bổ sung vốn lưu động	676.023	4,20	1.084.494	6,04	851.108	4,41
- Đầu tư khác	251.027	1,56	256.483	1,43	752.496	3,90
3. Phân theo nguồn vốn						
-Kinh tế Nhà nước	9.498.021	59,0	9.769.344	54,4	10.896.966	56,4
- Ngoài Nhà nước	6.500.295	40,4	8.102.214	45,1	8.326.364	43,1
- Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài	82.153	0,51	89.360	0,49	83.952	0,43
<b>Tổng</b>	<b>16.080.469</b>	<b>100</b>	<b>17.960.918</b>	<b>100</b>	<b>19.307.282</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai 2017*

Ta xem xét cơ cấu vốn đầu tư theo lĩnh vực tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015-2017 được thể hiện trên bảng 2.4.

Qua bảng 2.4, ta thấy, vốn đầu tư đang được ưu tiên sử dụng vào các ngành thương mại, du lịch. Điều đó cũng phù hợp với một tỉnh có nhiều thế mạnh và tiềm năng về du lịch nhưng chưa được khai thác chuyên nghiệp như:

**Bảng 2.4: Cơ cấu vốn đầu tư theo lĩnh vực của tỉnh Lào Cai  
giai đoạn 2015-2017**

ĐVT: Triệu đồng

Năm Chi tiêu	2015		2016		2017	
	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)	Vốn đầu tư	Cơ cấu (%)
Xây dựng đô thị	3.222.525	20,04	3.143.160	17,50	2.488.708	12,89
Công nghiệp	649.650	4,04	908.822	5,06	1.029.078	5,33
Thương mại – Du lịch	9.728.683	60,5	11.441.104	63,70	12.825.827	66,43
Nông lâm ngư nghiệp	1.611.263	10,02	1.706.287	9,50	1.660.426	8,60
VH – y tế - giáo dục	868.345	5,40	761.542	4,24	1.303.241	6,75
<b>Tổng</b>	<b>16.080.469</b>	<b>100</b>	<b>17.960.918</b>	<b>100</b>	<b>19.307.282</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai 2017*

tỉnh Lào Cai. VĐT vào thương mại, du lịch luôn chiếm tỷ trọng cao và có sự tăng trưởng từ 60,5% năm 2015 lên 66,43% tổng VĐT năm 2017. Tỷ trọng vốn đầu tư vào các ngành xây dựng đô thị, công nghiệp, văn hóa, y tế, giáo dục tuy có tăng nhưng tăng chậm. Riêng đầu tư vào ngành nông lâm ngư nghiệp thì tỷ trọng bị giảm qua 3 năm.

Giai đoạn 2015-2017 cũng chứng kiến sự thu hút đáng kể vốn đầu tư nước ngoài vào Lào Cai, rất nhiều dự án có quy mô lớn đã được triển khai thực hiện. Tính đến tháng 10/2017 Lào Cai có 744 dự án đầu tư trực tiếp

trong nước (DDI) tổng vốn 5,54 tỷ USD và 24 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tổng vốn 550 triệu USD đầu tư tại tỉnh [17].

Trong năm 2017, tỉnh Lào Cai đã công bố danh mục bổ sung một số dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh, đây là quy hoạch chi tiết trong định hướng phát triển tỉnh Lào Cai. Chi tiết được tổng hợp trên bảng 2.5.

**Bảng 2.5: Danh mục bổ sung dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2017**

Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Thời gian đăng ký	Thời gian thực hiện
Công viên văn hóa Mường Hoa- Sapa	4.500	9/2017	2017-2020
Tổ hợp nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp	600 (chưa tính tiền GPMB)	12/2017	2018-2020
Chợ Nam Cường	60	12/2017	2018-2020
Bến xe trung tâm đô thị Tân An- Bảo Hà	80	12/2017	2018-2019

*Nguồn: Quyết định 3601/QĐ-UBND; Quyết định 5557/QĐ-UBND*

#### 2.2.3.2 Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai

Để đánh giá kết quả thu hút đầu tư tại tỉnh Lào Cai, nhóm tác giả nghiên cứu 2 chỉ số cơ bản là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Lào Cai và bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh và cảm nhận của doanh nghiệp về môi trường đầu tư, kinh doanh của cấp huyện, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh (DCI). Bộ Chỉ số DCI là kênh đánh giá khách quan giúp các sở, ngành, huyện, thành phố trong tỉnh nhìn nhận lại những kết quả công việc đã làm được trong năm. Đây được coi là một trong những giải pháp thể hiện quyết tâm của tỉnh trong việc thúc đẩy

CCHC, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chất lượng quản lý điều hành thích ứng với giai đoạn mới; thể hiện sự tôn trọng của chính quyền tỉnh đối với tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp (tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để NĐT, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương, tạo sự cạnh tranh thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ngành, địa phương). Đồng thời, tạo thêm sức mạnh để cải thiện hình ảnh của tỉnh trong mắt các NĐT tiềm năng... Chỉ số DCI tốt sẽ góp phần tích cực vào cải thiện chỉ số PCI cấp tỉnh. PCI các năm 2015, 2016 và 2017 có điểm tương ứng.

Năm 2016, PCI của Lào Cai đạt 63,49 điểm (tăng 1,17 điểm so với năm 2015), nằm trong nhóm tốt và xếp hạng 5/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tuy nhiên, năm 2017 Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lào Cai xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố (giảm 06 bậc so với năm 2016) với 64,98 điểm đạt được (tăng 1,49 điểm so với năm 2016), chi tiết được thể hiện trên bảng 2.6.

**Bảng 2.6: Tổng hợp kết quả chỉ số PCI của tỉnh Lào Cai**

<b>Năm</b>	<b>Điểm tổng hợp</b>	<b>Kết quả xếp hạng(trên 63 tỉnh/thành)</b>	<b>Nhóm điều hành *</b>
2015	62,32	5	3
2016	63,49	5	3
2017	64,98	11	3

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai*

**Ghi chú :** Dấu\* là phân nhóm theo độ lệch chuẩn của điểm số PCI so với giá trị trung bình trong giai đoạn đánh giá (1: Rất tốt; 2: Tốt; 3: Khá; 4: Trung bình; 5: Tương đối thấp; 6: Thấp).

Tỉnh đã có chuyển biến tích cực trong nhiều lĩnh vực, như thủ tục thuế, hải quan, đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, xúc tiến đầu tư, thương mại. Trong 10 chỉ số thành phần PCI năm 2016 và 2017, Lào Cai có 5 chỉ số tăng điểm và 5 chỉ số giảm điểm nhưng tỉnh Lào Cai vẫn duy trì được vị trí đứng đầu trong nhóm 14 tỉnh miền núi phía Bắc. Chi tiết được phản ánh trên bảng 2.7.

**Bảng 2.7: Kết quả 10 chỉ số thành phần PCI của Lào Cai  
năm 2016 - 2017**

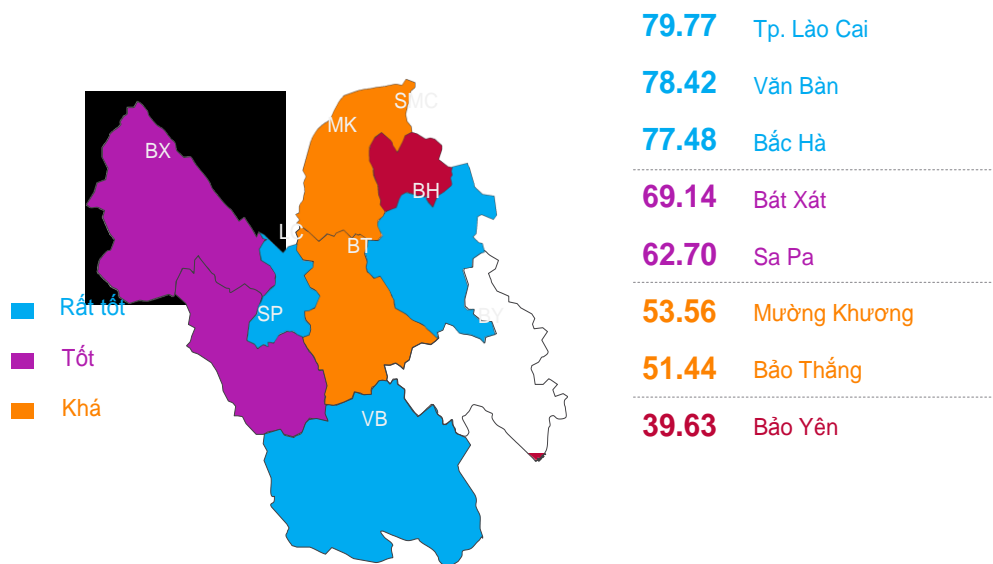
STT	Tên các chỉ số thành phần	Điểm số			
		2016	2017	SS 2017/2016	
				Tăng	Giảm
<b>I</b>	<b>Các chỉ số tăng điểm</b>	<b>29.60</b>	<b>32.69</b>	<b>3.09</b>	
1	Tính năng động của chính quyền tỉnh	6.39	6.80	0.41	
2	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	5.99	7.35	1.36	
3	Đào tạo lao động	6.21	6.56	0.35	
4	Chi phí không chính thức	5.35	5.57	0.22	
5	Tiếp cận đất đai	5.66	6.41	0.75	
<b>II</b>	<b>Các chỉ số giảm điểm</b>	<b>34.38</b>	<b>30.95</b>		<b>3.43</b>
1	Gia nhập thị trường	8.65	7.37		1.28
2	Tính minh bạch	7.02	6.34		0.68
3	Chi phí thời gian	6.42	6.12		0.30
4	Cạnh tranh bình đẳng	5.43	4.80		0.63
5	Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự	6.86	6.32		0.54

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai*

Chỉ số DCI các năm tiếp theo tiếp tục vẫn sẽ là một giải pháp đột phá, thể hiện quyết tâm của chính quyền tỉnh trong việc CCHC, cải thiện môi trường kinh doanh, thể hiện sự tôn trọng của chính quyền các cấp đối với tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp.

Kết quả chỉ số DCI các huyện, thành phố tỉnh Lào Cai được phản ánh trên hình 2.2.

Sự vươn lên của Tp. Lào Cai và Sa Pa trên bảng xếp hạng.



**Hình 2.2: Kết quả chỉ tiêu DCI của Lào Cai năm 2017**

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai*

*Đánh giá hiệu quả vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai thông qua hệ số ICOR*

Hiệu quả vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai qua các năm từ năm 2015 đến năm 2017 được phản ánh qua bảng 2.8.

Qua kết quả tính toán hiệu quả VĐT trên bảng 2.8 cho thấy hiệu quả sử dụng VĐT có hướng giảm. Cụ thể năm 2015 hệ số ICOR là 5,683 nhưng năm 2016 và 2017 lại tăng lên (năm 2016 là 5,999 và năm 2017 là 5,836). Tuy

nhiên, nhìn vào bảng chúng ta nhận thấy hiệu quả VĐT ở tỉnh Lào Cai đang có dấu hiệu phục hồi, ICOR ở năm 2017 cao hơn năm 2016.

**Bảng 2.8: Hiệu quả vốn đầu tư các năm 2015 – 2017 tỉnh Lào Cai  
(tính giá TT 2017)**

Năm	Vốn đầu tư tính theo giá thực tế (tr.đ)	GRDP tính theo giá thực tế (tr.đ)	Tốc độ (chỉ số) phát triển GRDP (lần)	Chỉ số chung về GRDP (lần)	Chỉ số giảm phát GRDP năm NC (lần)	GRDP năm trước tính theo giá thực tế năm NC (tr.đ)	Chênh lệch GRDP năm NC so năm trước (tr.đ)	Hiệu quả vốn đầu tư
	Vt(t)	Gt(t)	Iq	Ipq	Ip=Ipq/Iq	Gt-1(t)	(Δt(t))	ICOR
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=5:4</b>	<b>7</b>	<b>8=3-7</b>	<b>9=2/8</b>
2014		26.174.218	1,1067			26.590.388		
2015	16.080.469	29.419.905	1,1064	1,1240	1,0159	29.431.672	2.829.517	5,683
2016	17.960.918	32.413.608	1,1013	1,1017	1,0004	32.971.122	2.993.703	5,999
2017	19.307.282	36.279.133	1,1003	1,1192	1,0172		3.308.011	5,836

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai 2017 và tính toán của nhóm tác giả*  
**2.3 Phân tích các yếu tố tác động tới thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai**

### **2.3.1 Môi trường chính trị - xã hội**

*\* Sự ổn định chính trị và phát triển của nền kinh tế vĩ mô*

Nói tới Lào Cai là nói tới Việt Nam là một trong những quốc gia mà nhiều NĐT nước ngoài đang đổ mắt tới, bởi có nhiều lợi thế: chính sách đổi mới, mở cửa cùng với sự ổn định về chính trị, môi trường sống an toàn, an

ninh. Là địa phương của một quốc gia có nền kinh tế đang phát triển năng động và ổn định, (kinh tế Việt Nam đạt mức tăng trưởng cao riêng năm 2018 tăng trưởng đạt 7,08%), lực lượng lao động đông đảo và được đào tạo khá cơ bản, chuyên môn tay nghề vững với năng suất lao động ngày càng cao. Đây là những yếu tố cơ bản khiến lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và tỉnh Lào Cai.

Sự ổn định về chính trị đã tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, một nhà nước mạnh, thực thi có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế, xã hội đáp ứng được yêu cầu chính đáng của nhân dân, đem lại lòng tin và hấp dẫn cho các NĐT trong và ngoài nước.

*\* Chiến lược của Chính phủ, quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH của Lào Cai là động lực thu hút đầu tư*

Nhiều NĐT nước ngoài đến Việt Nam đều đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc đẩy mạnh cải cách tích cực môi trường kinh doanh và đầu tư cũng như việc hoàn thiện thể chế và chính sách tạo thuận lợi tối đa cho NĐT trong thời gian qua. Đến nay, những chính sách này nhìn chung là ổn định và thuận lợi đối với các NĐT.

Chính Phủ và các cơ quan Nhà nước quảng bá một cách rộng rãi và kịp thời các chính sách ưu đãi đầu tư mà Chính phủ đã rất cố gắng chỉnh sửa và áp dụng để các NĐT kịp thời nắm bắt được.

Ngoài ra còn tổ chức rất nhiều những cuộc đối thoại, hội thảo, diễn đàn để thu hút nhiều sự quan tâm của các NĐT và chúng ta có thời gian nhiều để nói về các cơ hội đầu tư hấp dẫn tại Việt Nam, về những chính sách mới và về quyết tâm của Chính phủ trong việc cam kết tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và ổn định cho các NĐT quốc tế.

Trong Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 của Việt Nam đã nhắc tới 3 đột phá chiến lược trong 10 năm tới, đó là thể chế, cơ sở hạ tầng



và nguồn nhân lực, trong đó, nhiều ý kiến cho rằng thể chế là yếu tố cần ưu tiên hàng đầu. Lao Cai đã cụ thể hóa chiến lược của Chính phủ và xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH và quy hoạch ngành, lĩnh vực trên địa bàn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là động lực lớn thu hút các NĐT, doanh nghiệp vào với tỉnh Lào Cai.

Theo phân tích của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tình hình kinh tế toàn cầu trong năm 2011 sẽ không thật suôn sẻ. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo, tăng trưởng kinh tế thế giới là con số 4,3%. Là một nền kinh tế mở, tất yếu Việt Nam sẽ phải chịu những tác động từ thị trường thế giới. Những tác động này đã được Chính phủ lường trước và sẽ có giải pháp điều hành phù hợp.

Theo đó, Chính phủ sẽ có biện pháp trợ giúp DN vượt qua khó khăn, tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, lấy chất lượng, chiều sâu tăng trưởng làm trọng, cân trọng với việc kiềm chế lạm phát, các chính sách tiền tệ, tài khóa...

Thực tế, các NĐT nước ngoài khá tin tưởng vào những nỗ lực vượt khó và sự đồng thuận trong điều hành vĩ mô của Chính phủ Việt Nam. Điển hình là sự đồng thuận “giải cứu” tập đoàn Vinashin thời gian qua. Việc tái cơ cấu Vinashin đã được thực hiện theo đúng tinh thần của Bộ Chính trị, đạt được hiệu quả thỏa đáng.

Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế trong việc thu hút vốn như quy định vốn nước ngoài tối đa 49% ở một số lĩnh vực khiến việc đầu tư bị hạn chế khi có nhu cầu đẩy mạnh phát triển. Việt Nam cũng như tỉnh Lào Cai nên có chính sách nhất quán và thông thoáng trong hoạt động đầu tư tài chính để các NĐT có đủ thông tin trong việc xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn vào thị trường Việt Nam.

Một hạn chế tiếp theo là Việt Nam chưa có nhiều doanh nghiệp đủ lớn để các NĐT nước ngoài đầu tư, do đó rất cần thiết đẩy mạnh việc cổ

phần hóa những DNNN lớn nhằm thu hút các NĐT nước ngoài bỏ vốn và công nghệ vào để giúp doanh nghiệp đó tái cơ cấu, phát triển ổn định và vươn ra tầm khu vực.

### **2.3.2 Môi trường đầu tư**

#### *\* Hệ thống chính sách cởi mở, thân thiện*

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi thu hút đầu tư phù hợp. Cụ thể như:

Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, các thành phần kinh tế phát triển; cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19/2017/NQ-CP ngày 16/2/2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020; đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động số 164/CT-TU ngày 16/10/2017 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tập trung vào các giải pháp về đất đai, tăng cường tính minh bạch, nâng cao môi trường cạnh tranh bình đẳng; Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thực hiện các giải pháp khuyến khích khởi nghiệp, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó tập trung hỗ trợ DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp; với mục tiêu là tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực: đất đai, thuế, kho bạc nhà nước, bảo hiểm

xã hội theo hướng tạo điều kiện thuận lợi ở mức cao nhất cho người dân và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác CCHC, đặc biệt là công tác giải quyết các TTHC cấp huyện, xã; tăng cường kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện CCHC. Tiếp tục thực hiện Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Thông tư số 05/2014/TT-BTP, ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC; Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về đánh giá tác động của TTHC và rà soát, đánh giá TTHC. Thực hiện tốt quy trình ISO 9001:2015, tăng cường công tác phối hợp trong việc giải quyết các TTHC cho tổ chức và công dân.

Rà soát, kiến nghị với tỉnh bổ sung, nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách mới nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư và thu hút đầu tư, trong đó tập trung vào các lĩnh vực đất đai, thương mại...

Nhờ có các chính sách khuyến khích đầu tư hợp lý nên số lượng các NĐT trong và ngoài nước ngày càng tăng, tạo môi trường thuận lợi cho các NĐT. Tuy nhiên qua tìm hiểu thực tế, tác giả nhận thấy công tác giải quyết các TTHC còn một số hạn chế, trả kết quả còn chậm so với quy định đặc biệt là giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai và xây dựng.

Sử dụng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) để đánh giá mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền các cấp.

Theo thông tin từ *Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Lào Cai*, chỉ số PAPI năm 2016 của tỉnh đạt 35,72/60 điểm, xếp thứ 32/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và thuộc nhóm đạt điểm trung bình cao. Trong đó, có các chỉ số thành phần ở mức thấp, như: TTHC công (5,34 điểm, xếp thứ 54/63 tỉnh, thành phố); kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (5,34 điểm, xếp thứ 57/63 tỉnh, thành phố)...

Đây là yếu tố thuyết phục NĐT/doanh nghiệp đầu tư tại tỉnh Lào Cai. Để làm rõ hơn tác động của yếu tố này, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát lấy ý kiến của lãnh đạo quản lý/chuyên gia/NĐT với các tiêu chí theo 5 mức độ: kém, yếu, trung bình, khá và tốt tương ứng thang điểm là 1, 2, 3, 4, 5 để phục vụ cho nội dung nghiên cứu. Kết quả chi tiết đánh giá chính sách và quản lý nhà nước tỉnh Lào Cai được tổng hợp trên bảng 2.9.

Qua bảng trên ta thấy hầu hết các doanh nghiệp, NĐT tại tỉnh Lào Cai khá hài lòng với hệ thống chính sách và bộ máy quản lý hành chính về đầu tư, với mức điểm trung bình từ 3,39 đến 4,02/5. Trong đó, được đánh giá cao nhất là hệ thống chính sách đầu tư, tiếp theo là khả năng tiếp cận thông tin, điều đó chứng tỏ công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách trên địa bàn tỉnh khá tốt. Tuy nhiên, các mức điểm thấp thuộc về tiêu chí sự nhiệt tình thân thiện của cán bộ quản lý.

**Bảng 2.9: Kết quả đánh giá về chính sách và quản lý nhà nước tỉnh Lào Cai**

	<b>Tiêu chí</b>	<b>Số ý kiến</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>Điểm TB</b>	<b>Ý nghĩa</b>
1.1	Chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư	285	0	17	62	108	98	4,02	Khá
1.2	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin về thu hút đầu tư (dễ dàng, kịp thời)	285	0	8	67	107	86	3,99	Khá
1.3	Nội dung thông tin thu hút đầu tư (mức độ đầy đủ, rõ ràng, cập nhật)	285	1	22	58	102	102	3,98	Khá
1.4	Thông tin thu hút đầu tư được đăng tải công khai trên Internet, website...	285	2	20	55	112	96	3,98	Khá
1.5	Thời gian trả kết quả nhanh chóng	285	0	50	45	120	70	3,74	Khá

	Tiêu chí	Số ý kiến	1	2	3	4	5	Điểm TB	Ý nghĩa
1.6	Chính sách hỗ trợ thuế, lệ phí phù hợp	285	0	45	57	122	61	3,69	Khá
1.7	Lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước năng động, sáng tạo, am hiểu chính sách	285	0	47	83	118	37	3,51	Khá
1.8	Lãnh đạo cơ quan quản lý thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, ứng xử thân thiện	285	0	36	96	136	17	3,47	Khá
1.9	Cán bộ nhân viên hướng dẫn đầy đủ, nhiệt tình, thân thiện	285	0	59	78	127	21	3,39	T.bình

*Nguồn: Kết quả điều tra và tính toán của nhóm tác giả*

*\* Hệ thống cơ sở hạ tầng- kỹ thuật*

Lào Cai là một tỉnh cửa khẩu, trong những năm gần đây được Nhà nước quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khá tập trung, mới mẻ và hiện đại. kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại trên toàn tỉnh, đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các trung tâm phát triển của tỉnh và các vùng, lãnh thổ các điểm dân cư trong tỉnh, đảm bảo kết nối dễ dàng với các vùng miền trong cả nước (đặc biệt là các tỉnh biên giới Đông Bắc và Tây Bắc) và quốc tế. Đây là yếu tố tác động rất lớn đến quyết định đầu tư của NĐT và doanh nghiệp. NĐT và doanh nghiệp đánh giá cao về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tỉnh Lào Cai. Kết quả chi tiết được tổng hợp trên bảng 2.10.

**Bảng 2.10: Kết quả đánh giá về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật tỉnh Lào Cai**

STT	Tiêu chí	Số ý kiến	1	2	3	4	5	Điểm TB	Ý nghĩa
2.1	Hệ thống giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không...)	285	0	20	102	116	47	3,67	Khá
2.2	Hệ thống điện, nước	285	0	15	87	117	66	3,82	Khá
2.3	Hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông (mạng di động, Internet, bưu điện...)	285	0	21	79	102	83	3,86	Khá
2.4	Hệ thống y tế, bệnh viện	285	0	15	60	122	86	3,96	Khá
2.5	Hệ thống phòng chống cháy nổ	285	0	27	40	130	88	3,98	Khá
2.6	Hệ thống tài chính ngân hàng	285	0	23	76	140	46	3,73	Khá
2.7	Hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	285	0	27	83	138	37	3,65	Khá
2.8	Hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo	285	0	32	79	126	48	3,67	Khá

*Nguồn: Kết quả điều tra và tính toán của nhóm tác giả*

Qua bảng 2.10, ta thấy các doanh nghiệp và NĐT đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tỉnh ở mức khá, không có ý kiến nào đánh giá hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật hiện tại ở mức kém. Đây cũng là tín hiệu tốt cho thu hút và sử dụng VĐT tại tỉnh Lào Cai.

*\* Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và tiềm năng lợi thế của tỉnh Lào Cai*

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới, nằm chính giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc của Việt Nam, có hệ thống đường sắt (cách Hà Nội 296 km), đường bộ (265 km) và đường biên giới (203 km) đặc biệt là tuyến đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai đi vào hoạt động đã mở ra cơ hội thuận tiện cho giao thương hàng hóa.

Địa hình Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh. Điểm cao nhất là đỉnh núi Phan Xi Păng trên dãy Hoàng Liên Sơn có độ cao 3.143m so với mặt nước biển

Khí hậu Lào Cai rất thích hợp với các loại cây ôn đới, vì vậy Lào Cai có lợi thế phát triển các đặc sản xứ lạnh mà các vùng khác không có được như: hoa, quả, thảo dược và cá nước lạnh.

Lào Cai là tỉnh giàu tài nguyên, khoáng sản và tài nguyên du lịch mà trọng tâm là khu du lịch nghỉ mát Sa Pa - một trong 21 trọng điểm du lịch của Việt Nam. Sa Pa nằm ở độ cao trung bình từ 1.200m - 1.800m, khí hậu mát mẻ quanh năm, có phong cảnh rừng cây núi đá, thác nước và là nơi hội tụ nhiều hoạt động văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc như chợ vùng cao, chợ tình Sa Pa,...

Đỉnh núi Phan Xi Păng - nóc nhà của Việt Nam có dãy núi Hoàng Liên Sơn và khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên hấp dẫn nhiều nhà khoa học, khách du lịch.

Lào Cai có nhiều địa danh lịch sử, hang động tự nhiên và các vùng sinh thái nông nghiệp đặc sản như mận Bắc Hà, rau ôn đới, cây dược liệu quý, cá hồi (Phần Lan), cá tầm (Nga)... Và đặc biệt, đây còn là nơi mang đậm nét đặc trưng văn hoá độc đáo của nhiều dân tộc anh em.

Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu cũng là một điểm du lịch thú vị mà điểm dừng chân không thể là nơi nào khác ngoài thành phố Lào Cai.

Và đặc biệt, là tỉnh miền núi cao, đang phát triển và Lào Cai còn giữ được cảnh quan môi trường đa dạng, trong sạch. Đây là điều kiện quan trọng tạo nên một điểm du lịch lý tưởng đối với du khách trong và ngoài nước.

Về tiềm năng lợi thế của Lào Cai: *Tiềm năng kinh tế*, Lào Cai là một tỉnh giàu tài nguyên khoáng sản và nguồn tài nguyên rừng rất phong phú và đa dạng, là cơ sở để phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu nằm trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Hải Phòng, là cửa ngõ lớn và thuận lợi nhất để phát triển thương mại, du lịch giữa Việt Nam với vùng Tây Nam - Trung Quốc (gồm 11 tỉnh, thành phố, diện tích hơn 5 triệu km<sup>2</sup> và dân số hơn 380 triệu người); là con đường ngắn nhất, thuận tiện nhất từ tỉnh Vân Nam, vùng Tây Nam - Trung Quốc ra cảng Hải Phòng và nối với vùng Đông Nam Á. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai hội tụ đủ các loại hình vận tải: đường sắt, đường bộ, đường sông và tương lai sẽ có cả đường hàng không. Là cửa khẩu quốc tế duy nhất của Việt Nam có vị trí nằm ngay trong thị xã tỉnh lỵ có hệ thống hạ tầng và dịch vụ khá phát triển. Hiện nay, cửa khẩu quốc tế Lào Cai đã và đang được tập trung xây dựng thành cửa khẩu văn minh, hiện đại, đủ điều kiện trở thành nơi trung chuyển hàng hoá lớn giữa Việt Nam với Trung Quốc và các nước ASEAN, từng bước chuẩn bị cho khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc. *Tiềm năng du lịch*: Lào Cai có tiềm năng lớn để phát triển ngành du lịch với các loại hình nghỉ dưỡng, sinh thái, leo núi, văn hoá. Thiên nhiên ban tặng cho Lào Cai nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng gắn với các địa danh Sa Pa, Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương,... Trong đó, khu du lịch Sa Pa rất nổi tiếng trong nước và quốc tế; là một trong các trọng điểm du lịch của quốc gia. Hàng năm có tới 2,5 triệu lượt khách quốc tế; đa số du khách đến Vân Nam đều muốn sang du lịch Việt Nam qua cửa khẩu Lào Cai và ngược lại.

Đây là động lực thu hút các NĐT/doanh nghiệp đến với Lào Cai. Tuy nhiên do vị trí, địa hình phức tạp hiểm trở nên chi phí đầu tư tại Lào Cai cao



đã ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa bàn ưu tiên đầu tư của các NĐT, nhất là các NĐT nước ngoài.

Kết quả chi tiết đánh giá vị trí địa lý, tiềm năng lợi thế tỉnh Lào Cai được tổng hợp trên bảng 2.11.

**Bảng 2.11: Kết quả đánh giá về vị trí địa lý, tiềm năng lợi thế của tỉnh Lào Cai**

STT	Tiêu chí	Số ý kiến						Điểm TB	Ý nghĩa
			1	2	3	4	5		
3.1	Vị trí trung tâm của khu vực (vận chuyển; giao thương...)	285		10	32	146	97	4,16	Khá
3.2	Vị trí gần cửa ngõ kinh tế (cảng hàng không; cảng đường thủy; cửa khẩu, ga tàu liên vận...)	285		15	30	160	80	4,07	Khá
3.3	Kinh tế của tỉnh phát triển ổn định	285		11	59	162	53	3,9	Khá
3.4	Thị trường ổn định, tốc độ phát triển nhanh	285		7	68	102	106	4,05	Khá
3.5	Tài nguyên dồi dào	285		13	33	144	95	4,12	Khá
3.6	Chi phí cho đầu tư phù hợp	285		17	42	150	76	4,00	Khá

*Nguồn: Kết quả điều tra và tính toán của nhóm tác giả*

*\* Nguồn nhân lực*

Theo số liệu thống kê Cục Thống kê Lào Cai năm 2017 dân số toàn tỉnh là 694.416 người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 436.861 người, trong đó lao động đang làm việc là 433.286 người (thành thị là 85.479, nông thôn là 347.811), tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề chiếm 47,7%. Tỉnh Lào Cai phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 55%.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 43 trường, trung tâm, cơ sở giáo dục đào tạo nghề. Ông Đinh Văn Thơ, Phó giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh cho biết: năm 2017 và 6 tháng đầu năm 2018, tỉnh Lào Cai đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo được 25.737 lao động, trong đó trung cấp, cao đẳng 5.962 lao động, sơ cấp và dưới 3 tháng 19.775 lao động.

Trong giai đoạn 2014 đến hết 5 tháng đầu năm 2018 các trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã chủ động phối hợp với trên 250 doanh nghiệp để phối hợp trong công tác đào tạo, thực tập, thực hành, tuyển dụng cho 4.639 người.

Theo ông Doãn Vương Công, quản lý nhân sự Công ty TNHH Liên doanh Khách sạn Quốc tế Lào Cai: “Chúng tôi đánh giá cao sự phối hợp của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội trong công tác liên kết cùng doanh nghiệp đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho cán bộ công nhân viên của công ty chúng tôi. Đến thời điểm này, tôi rất hài lòng về năng lực và nghiệp vụ của cán bộ nhân viên lĩnh vực nhà hàng - khách sạn”.

*Theo bài viết Tỷ lệ thất nghiệp giảm trong khi nhu cầu tuyển dụng lao động gia tăng, tuy nhiên lao động qua đào tạo mới là nhu cầu thực sự của các doanh nghiệp hiện nay đăng trên Báo Diễn đàn doanh nghiệp ngày 12/08/2018 cho biết: Khảo sát tại tỉnh Lào Cai cho thấy, cơ cấu đào tạo ngành nghề đang đi đúng hướng, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chuyển hướng đào tạo từ cung sang cầu thị trường lao động, đã đào tạo theo cơ cấu, ngành nghề, vị trí việc làm của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, công tác liên doanh, liên kết đào tạo được mở rộng, đã có 05 trường cao đẳng nghề chất lượng cao trong khu vực phía bắc tham gia liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Lào Cai.*

Từ những phân tích trên cho thấy lực lượng lao động của tỉnh đã và đang từng bước đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của NĐT/ doanh nghiệp.

Tuy nhiên nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn vẫn còn khiêm tốn, đòi hỏi phải sớm được tăng cường thì mới có thể đáp ứng nhu cầu hiện tại.

Kết quả đánh giá nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai được tổng hợp trên bảng 2.12.

**Bảng 2.12: Kết quả đánh giá về nguồn nhân lực của tỉnh Lào Cai**

STT	Tiêu chí	Số ý kiến	1	2	3	4	5	Điểm TB	Ý nghĩa
4.1	Lao động phổ thông dồi dào	285	0	10	52	146	77	4,02	Khá
4.2	Lao động qua đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất	285	26	134	50	55	20	2,68	Tbình
4.3	Chi phí thuê lao động phù hợp	285	22	138	59	53	13	2,64	Tbình
4.4	Dễ dàng tuyển dụng lao động	285	17	114	68	62	24	2,87	Tbình

*Nguồn: Kết quả điều tra và tính toán của nhóm tác giả*

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn lực quan trọng của doanh nghiệp, cũng là yếu tố khá quan trọng khi NĐT xem xét để đưa ra quyết định đầu tư. Theo tổng hợp từ các ý kiến điều tra thì đánh giá về nguồn nhân lực phổ thông của tỉnh Lào Cai là khá dồi dào (4,02 điểm – mức khá) song các lao động đã qua đào tạo lại đáp ứng và phù hợp với công việc khá thấp (2,68 điểm – mức trung bình), chi phí thuê lao động lại không phù hợp (2,64 điểm – mức trung bình) và cũng không dễ dàng tuyển dụng lao động ở đây (2,87 điểm – mức trung bình).

**\* Thủ tục hành chính**

Đơn giản hóa TTHC, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là nhiệm vụ hết sức quan trọng và có ý nghĩa trong tiến trình thực hiện CCHC để thu hút đầu tư vào tỉnh Lào Cai.

Nhận thức được trong công tác CCHC của Lào Cai là trình độ của cán bộ còn hạn chế, vì thế, tỉnh đã tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để đưa đi đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn và tác phong làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời thường xuyên rà soát các TTHC theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, đề xuất cấp có thẩm quyền loại bỏ những thủ tục không cần thiết. Hàng năm, UBND tỉnh đều tổ chức tổng kết công tác CCHC để đánh giá những kết quả đạt được cũng như những tồn tại, hạn chế, qua đó có giải pháp khắc phục kịp thời. Song song đó, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cũng thể hiện được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác CCHC. Từ đó nhiều cơ quan, đơn vị có nhiều giải pháp, sáng kiến hay trong triển khai thực hiện CCHC

Qua quá trình rà soát, đơn giản hóa TTHC, hiện tại UBND tỉnh đang thực hiện 227 TTHC thuộc thẩm quyền. Việc đơn giản hóa TTHC đã góp phần làm giảm thời gian, chi phí, tạo niềm tin cho cá nhân, tổ chức khi đến cơ quan nhà nước thực hiện dịch vụ công.

Từ năm 2015 đến nay, UBND tỉnh đã thành lập nhiều đoàn kiểm tra về công tác niêm yết, công khai TTHC đối với bộ phận “một cửa” của tỉnh, thành phố và huyện lỵ. Nhìn chung, việc thực hiện niêm yết, công khai TTHC của các đơn vị kịp thời, đúng quy định. Nhận thức của cán bộ, công chức và viên chức đối với công tác CCHC đã có những chuyển biến rõ rệt. Đối với những công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp đã niềm nở, ân cần hơn trong việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân giải quyết TTHC. Không có tình trạng lợi dụng nhiệm vụ được giao để sách nhiễu,

gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, mức độ hài lòng của các tổ chức, cá nhân là rất cao.

Năm 2017 Cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch kiểm soát TTHC, lập danh mục đăng ký cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC. Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án đẩy mạnh CCHC đồng bộ toàn diện trong khối cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020 và năm 2017; Kế hoạch nâng cao chỉ số CCHC; ban hành Quy chế phối hợp giải quyết TTHC thông qua Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả các cấp.

Với quan điểm và sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp các ngành của tỉnh trong công tác CCHC đã góp phần thu hút lượng vốn đầu tư đáng kể vào tỉnh. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn hạn chế:

+ TTHC dù đã rà soát, cắt giảm theo Đề án 30 của Chính phủ nhưng vẫn còn rườm rà, làm nản lòng các NĐT (đặc biệt trong thủ tục khảo sát, lựa chọn địa điểm và giải phóng mặt bằng). Thời gian NĐT chờ giải phóng mặt bằng quá lâu (có những dự án đã hơn 5 năm nhưng chưa được bàn giao mặt bằng).

+ Việc thực hiện thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông đã được thực hiện từ năm 2012 nhưng chưa đáp ứng được kỳ vọng và yêu cầu đặt ra; vẫn còn tình trạng có văn bản chỉ đạo, giao việc chưa thực hiện đúng quy trình một cửa liên thông; vai trò đơn vị chủ trì còn mờ nhạt, các ngành trong hệ thống liên thông chưa thực sự coi trọng, tham gia thiếu tích cực và chậm trễ.

## **2.4 Đánh giá chung về hoạt động thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai**

### **2.4.1 Kết quả đạt được**

- Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp của các

đoàn thể quần chúng, công tác quản lý về thu hút đầu tư đã được tiến hành đồng bộ, sát với các nội dung chương trình tổng thể của tỉnh.

- Công tác ban hành văn bản được tiếp tục đổi mới về chất lượng và nội dung. Nhiều quy trình, TTHC đã được đơn giản, công khai hoá, thời gian giải quyết được rút ngắn, qua đó tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân trong thực hiện giao dịch hành chính với cơ quan nhà nước. Từ đó thúc đẩy các hoạt động đầu tư, kinh doanh trên địa bàn, góp phần tăng thu ngân sách, đẩy nhanh tốc độ giải ngân, ổn định an ninh, trật tự trên địa bàn.

- Ngày càng có nhiều NĐT, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước quan tâm, đến khảo sát, tìm hiểu cơ hội và thực hiện đầu tư trên địa bàn, số lượng và quy mô dự án tăng dần qua các năm. Trong đó, có nhiều dự án lớn, giải quyết nhiều việc làm cho lao động, tăng thu ngân sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh.

- Hoạt động xúc tiến đầu tư được thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức khác nhau, thu hút được sự quan tâm của NĐT trong và ngoài nước.

- Thực hiện tốt việc tuyển dụng công chức, viên chức đi đôi với tiếp tục đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, thái độ và ý thức thực thi công vụ của nhiều cán bộ, công chức có chuyển biến tốt hơn, hiệu quả công việc được nâng cao.

- Phân cấp thẩm quyền ở nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước đi đôi với thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công theo cơ chế khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đã góp phần thay đổi phương thức quản lý, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các đơn vị, địa phương; nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,

từ đó nâng cao thu nhập của cán bộ, công chức, nhất là trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

## **2.4.2 Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

### **2.4.2.1 Hạn chế, tồn tại**

#### **\* Trong thu hút vốn đầu tư:**

- Quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được xây dựng nhưng chất lượng chưa cao, tính khả thi thấp và chưa hấp dẫn NĐT, nhiều dự án lớn khi vào đầu tư phải bổ sung quy hoạch;

- Cơ chế, chính sách chưa thật sự hấp dẫn NĐT;

- Hạ tầng khu kinh tế đang được đầu tư xây dựng theo quy hoạch nhưng thiếu vốn, đầu tư dàn trải, hạ tầng thiết yếu còn thiếu như xử lý nước thải, cấp nước sạch,...;

- Cải cách hành chính còn chậm, vẫn còn phiền hà, rườm rà làm nản lòng các NĐT;

- Công tác giải phóng mặt bằng rất khó khăn, chậm trễ, kéo dài.

#### **\* Trong sử dụng vốn đầu tư:**

- Số lượng các dự án đi vào triển khai hoạt động còn thấp hơn nhiều so với đăng ký, vốn thực hiện của các dự án đạt thấp (chỉ chiếm 30,63% vốn đăng ký), tiến độ triển khai của các dự án còn chậm (trung bình 01 dự án đưa vào hoạt động mất từ 1-3 năm);

- Việc chấp hành chính sách pháp luật về đầu tư của một số NĐT còn hạn chế, số lượng các dự án không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ so với cam kết tăng;

- Lực lượng lao động của Lao Cai dồi dào nhưng chất lượng lao động chưa cao, lao động đã qua đào tạo không phù hợp, hầu như DN phải đào tạo lại sau tuyển dụng;

- Dịch vụ cho cá nhân và gia đình người nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu do chưa có các trường học quốc tế, các dịch vụ chất lượng cao,...

#### 2.4.2.2 Nguyên nhân

##### **\* Trong thu hút vốn đầu tư:**

- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, nền kinh tế quốc gia đang trong thời kỳ cơ cấu lại làm giảm dòng vốn đầu tư công và DNNN;

- Hệ thống cơ sở hạ tầng chung tuy có lợi thế so với các tỉnh khác trong khu vực nhưng các hạ tầng thiết yếu mà NĐT cần gắn với dự án, khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Chi phí đầu tư tại Lao Cai cao do chi phí GPMB và san nền cao, đã ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn địa bàn ưu tiên đầu tư của các NĐT, nhất là các NĐT nước ngoài;

- Hệ thống pháp luật, chính sách và thủ tục đầu tư chưa đồng bộ, thiếu nhất quán và thay đổi nhanh, chòng chéo giữa hệ thống pháp luật đầu tư, Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành... chưa đủ sức hấp dẫn đối với một số ngành, lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư như lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ;

- Môi trường đầu tư còn thiếu sự phối hợp của các cấp, các ngành trong thu hút đầu tư.

##### **\* Trong sử dụng vốn đầu tư:**

- Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành chưa quyết liệt, chưa kịp thời;

- Vai trò người đứng đầu của một số cấp, ngành còn yếu;

- Phân công, phân cấp còn lúng túng, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa tốt;



- Cấp ủy đảng, chính quyền và cộng đồng dân cư chưa hiểu hết lợi ích thiết thực và lâu dài trong thu hút các dự án đầu tư để tạo sự đồng thuận và nhất trí trong thu hút đầu tư;

- Cán bộ, công chức; năng lực, phẩm chất và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức chưa cao, kỹ năng hành chính thiếu chuyên nghiệp, tư duy, phương pháp làm việc còn chậm đổi mới, nặng lối mòn, thiếu chủ động;

- Chỉ đạo, giải quyết vướng mắc cho NĐT chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, điện, nước, nhất là trong các KCN, CCN còn thấp, một số hạng mục đã đầu tư nhưng lại chưa phát huy được hiệu quả.

- Đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu của NĐT.

### CHƯƠNG 3

## ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ NHẪM THU HÚT VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ VỐN ĐẦU TƯ Ở TỈNH LÀO CAI ĐẾN 2025, ĐỊNH HƯỚNG 2030

### 3.1 Chủ trương và phương hướng trong thu hút vốn đầu tư tỉnh Lào Cai

Phấn đấu xây dựng Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của vùng trung du và miền núi phía Bắc và là tỉnh khá của cả nước; thành phố Lào Cai trở thành Trung tâm kinh tế lớn, đô thị hiện đại, địa bàn quan trọng về hợp tác quốc tế, giao lưu kinh tế của vùng và cả nước với Trung Quốc và quốc tế; giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường tự nhiên; giữ vững ổn định chính trị, an ninh, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền quốc gia.

Huy động và sử dụng hiệu quả tối đa nguồn lực bên trong (đầu tư từ NSNN) kết hợp với thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài (vốn thu hút từ các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư,...) để chuyển đổi căn bản phương thức sản xuất kinh doanh từ truyền thống sang phương thức sản xuất hàng hóa theo cơ chế thị trường, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và tích lũy nội bộ, tạo sự thay đổi căn bản trong cơ cấu kinh tế theo hướng:

- Nâng cao tỷ trọng dịch vụ, phát triển mạnh thương mại hàng hóa, buôn bán biên mậu, thương mại dịch vụ, quá cảnh, trung chuyển, hậu cần logistic, du lịch, tài chính, ngân hàng... trong và ngoài khu kinh tế cửa khẩu.

- Định hướng phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, chế biến, đóng gói phục vụ xuất nhập khẩu, hình thành các nhóm ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ thương mại, du lịch và phát triển chọn lọc trong giới hạn công nghiệp nặng có công nghệ hiện đại gắn với khai thác, chế biến khoáng sản.

- Duy trì ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá chất lượng - an toàn, khuyến khích mô hình tập trung, gia tăng tỷ lệ chế biến, xây dựng một

số sản phẩm chủ lực có tính cạnh tranh, trước hết ưu tiên chiếm lĩnh thị trường nội tiêu.

Định hướng thu hút đầu tư của Lào Cai được thể hiện rõ trên từng lĩnh vực cụ thể đó là: Lĩnh vực phát triển thương mại - dịch vụ trong đó khuyến khích đầu tư các dự án phát triển dịch vụ tại khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, khu đô thị thành phố Lào Cai; Lĩnh vực du lịch, nông nghiệp ôn đới công nghệ cao trong đó ưu tiên thu hút các dự án phát triển du lịch tại địa phương có nhiều thế mạnh đặc thù.

Lào Cai kêu gọi thu hút đầu tư vào 42 dự án với tổng vốn dự kiến là 43.950 tỷ đồng. Trong đó, lĩnh vực nông nghiệp 6 dự án; công nghiệp - xây dựng cơ bản 21 dự án; du lịch - dịch vụ 12 dự án và 3 dự án về lĩnh vực giáo dục, y tế. [28].

### **3.2. Đề xuất giải pháp cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tỉnh Lào Cai đến 2025 và định hướng 2030**

#### **3.2.1 Nhóm giải pháp thu hút vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai**

##### *3.2.1.1 Giải pháp về quy hoạch, cơ chế, chính sách*

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020, có tính đến 2030; rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch khu đô thị, các khu du lịch, khu nông nghiệp công nghệ cao,... cho phù hợp với tình hình mới, gắn với hiệu quả, ít ảnh hưởng đến nhân dân vùng quy hoạch.

- Quy hoạch đô thị TP Lào Cai, Sa Pa, quy hoạch phát triển khu du lịch quốc gia Sa Pa để làm căn cứ xây dựng và triển khai các quy hoạch ngành, lĩnh vực để vận động, thu hút đầu tư;

- Rà soát cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh, huyện để điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế và nguồn vốn ngân sách địa phương;

- Cần nghiên cứu và có chính sách vận động thu hút đầu tư từ các NĐT/ DN phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh, huyện (phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường).

### 3.2.1.2 Giải pháp về cải cách hành chính

- Soát xét thủ tục đầu tư, kiên quyết loại bỏ các thủ tục rườm rà, không cần thiết, pháp luật không quy định, nhập các thủ tục có thể nhập được để đơn giản, gọn nhất các thủ tục đầu tư;

- Rà soát, điều chỉnh quy định nhằm bảo đảm hoạt động hiệu quả thực sự một cửa liên thông, NĐT chỉ đến nộp hồ sơ và nhận kết quả tại một cửa liên thông;

- Thiết lập đường dây nóng để các NĐT/ DN phản ánh những trường hợp cán bộ, công chức gây những nhiễu, thiếu trách nhiệm trong quá trình xử lý hồ sơ dự án đầu tư;

- Tăng cường thanh tra công vụ đối với việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết các TTHC tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư;

- Công khai minh bạch trên Internet về TTHC và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp giải quyết TTHC;

- Xây dựng, ứng dụng phần mềm tiếp nhận và trả kết quả liên thông giữa các cơ quan gắn với việc xây dựng chính quyền điện tử.

### 3.2.1.3 Phát triển cơ sở hạ tầng

- Chỉ đạo xây dựng các cơ sở hạ tầng quan trọng thiết yếu phục vụ thu hút đầu tư, đầu tư nâng cấp các tuyến kết nối với vùng và các đô thị xung quanh, trước mắt tập trung nguồn lực để lựa chọn đầu tư các hạ tầng thiết yếu tại khu du lịch Sa Pa, các khu nông nghiệp công nghệ cao, không đầu tư dàn trải gẫn mà phải gắn với hiệu quả; cân đối dành vốn hàng năm để GPMB, chủ động tạo quỹ đất sạch hợp lý sẵn sàng đón các NĐT;

- Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

- Sử dụng hình thức hợp tác Nhà nước và tư nhân trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng (PPP).

#### *3.2.1.4 Về hỗ trợ nhà đầu tư*

- Tiếp tục chỉ đạo xóa bỏ những lực cản trong công tác bồi thường, GPMB và tái định cư; hỗ trợ nhà đầu tư có được mặt bằng nhanh chóng, thuận lợi;

- Hỗ trợ cung ứng và đào tạo lao động, tạo điều kiện liên kết, hợp tác đào tạo nghề giữa NĐT với các trường, các trung tâm dạy nghề; NĐT được ưu tiên tuyển lao động đã qua đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề trên địa bàn thuộc tỉnh quản lý.

### **3.2.2 Nhóm giải pháp sử dụng vốn đầu tư tại tỉnh Lào Cai**

#### *3.2.2.1 Giải pháp về cơ chế, chính sách*

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi cho NĐT trên địa bàn tỉnh để có sự nhất quán và tạo niềm tin, sự an tâm cho các NĐT triển khai thực hiện dự án;

- Cần nghiên cứu và có cơ chế, chính sách tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường: kiểm tra giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật bảo vệ môi trường, về công nghệ, máy móc thiết bị của các dự án.

#### *3.2.2.2 Về cải cách hành chính*

- Xác định rõ trách nhiệm NĐT, trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước trong giải quyết các thủ tục hành chính cho NĐT, nhất là người đứng đầu trong giải quyết thủ tục cho NĐT;

- Thiết lập đường dây nóng để các NĐT/ DN phản ánh những trường hợp cán bộ, công chức gây nhũng nhiễu, thiếu trách nhiệm trong quá trình xử lý hồ sơ dự án đầu tư;

- Tăng cường thanh tra công vụ trong tiếp nhận, xử lý, giải quyết các TTHC tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư;

- Công khai minh bạch trên Internet về TTHC và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp giải quyết TTHC.

### *3.2.2.3 Hỗ trợ nhà đầu tư*

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu đa dạng, đa tầng mà công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành đề ra. Triển khai mạnh mẽ đào tạo theo nhu cầu xã hội, thực hiện liên kết chặt chẽ giữa các DN và cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý nhà nước để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;

- Hỗ trợ NĐT giải quyết nhanh các TTHC về xin cấp phép đầu tư hoặc điều chỉnh giấy phép đầu tư và các TTHC khác;

- Bảo đảm an ninh, trật tự cho các dự án đầu tư trên địa bàn: Thường xuyên theo dõi, giám sát để ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra đình công, tranh chấp giữa chủ doanh nghiệp và người lao động tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động; xem xét, xử lý nghiêm đối với các trường hợp có hành vi xúi dục, kích động, gây rối, phá hoại đến hoạt động triển khai dự án và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và NĐT; can thiệp kịp thời, có hiệu quả để dự án hoạt động bình thường, tạo tâm lý an tâm cho NĐT khi triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án dịch vụ trường học quốc tế, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, điện, nước, tài chính ngân hàng...

### **3.3 Đề xuất, kiến nghị**

#### **3.3.1 Đối với Quốc hội**

Sửa đổi đồng bộ hệ thống Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp theo hướng đảm bảo tính ổn định, công khai minh bạch, chấm dứt tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các luật với nhau, giữa luật với Nghị định của Chính phủ. Cụ thể, Luật đầu tư có một số quy định chưa tương thích và trùng lặp với: (i) Pháp luật thương mại về dự án đầu tư trong lĩnh vực thương mại; (ii) Pháp luật về xây dựng và kinh doanh bất động sản liên quan đến thẩm quyền chấp thuận dự án, quy trình, thủ tục thực hiện, điều kiện và thủ tục chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án kinh doanh bất động sản, nhà ở, đô thị; (iii) Pháp luật đất đai về thời hạn sử dụng đất và thời hạn dự án đầu tư,...

#### **3.3.2 Đối với Chính phủ**

- Sửa đổi chính sách ưu đãi đầu tư: Cần rà soát các ưu đãi đầu tư trong văn bản pháp luật để quy định hệ thống ưu đãi mới, phù hợp với nhu cầu và đòi hỏi của NĐT trong tình hình mới, phù hợp với thông lệ quốc tế, đặc biệt trong việc thu hút vốn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao, dịch vụ hiện đại, giáo dục đào tạo. Hoàn thiện các quy định về lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư, quy định thống nhất về danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi đầu tư làm cơ sở áp dụng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu,...

- Sửa đổi quy định ưu đãi đầu tư cho lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Theo các quy định hiện nay (Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/2/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ; Quyết định số 1483/QĐ-TTg ngày 26/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phát triển ưu tiên) thì các chính sách ưu đãi không hấp dẫn các NĐT, gần như chỉ dẫn chiếu đến các văn bản pháp luật về thuế, đất đai... hiện hành. Trong khi tại các văn bản quy định ưu

đãi về thuế, đất đai không có điều khoản nào quy định về cơ chế ưu đãi riêng cho lĩnh vực đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ.

### **3.3.3 Đối với các bộ ngành**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phát huy vai trò điều phối và phối hợp với các địa phương trong việc xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược xúc tiến đầu tư tổng thể cho quốc gia, cho từng vùng và từng địa phương đạt hiệu quả;

- Sớm thống nhất mô hình xúc tiến đầu tư trong cả nước (Mô hình tổ chức cơ quan xúc tiến đầu tư hiện nay ở các địa phương đang tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau; còn tùy thuộc vào quan điểm chỉ đạo của Lãnh đạo và điều kiện cụ thể từng địa phương).



## KẾT LUẬN

Đầu tư là chìa khoá cho sự tăng trưởng và thay đổi cơ cấu kinh tế, là cơ sở cho sự phát triển khoa học công nghệ. Việt Nam là quốc gia đang phát triển đang phải đương đầu với nhiều khó khăn nhất là vốn do vậy làm thế nào để thu hút đầu tư cho sự phát triển kinh tế ở từng địa phương trong đó có Lào Cai. Qua nghiên cứu đề tài, nhóm tác giả nhận thấy thời gian qua, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, cùng với sự vào cuộc quyết liệt của các sở ban ngành trong tỉnh, hoạt động thu hút đầu tư tại tỉnh Lào Cai đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nghiên cứu của đề tài đã phản ánh được những kết quả cốt lõi sau đây:

**Một là**, hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, kinh nghiệm trong nước (kinh nghiệm Nhà nước Việt Nam, kinh nghiệm một số địa phương: tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Thái Nguyên) và rút ra được năm bài học kinh nghiệm trong xây dựng chính sách thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho tỉnh Lào Cai.

**Hai là**, phân tích và đánh giá thực trạng cơ chế chính sách, các hoạt động hỗ trợ thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư của tỉnh Lào Cai. Để thu hút vốn đầu tư vào địa bàn, tỉnh Lào Cai đã triển khai áp dụng đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lào Cai về vấn đề này như: Đẩy nhanh công tác quy hoạch phát triển KT - XH, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các khu công nghiệp, khu đô thị; tập trung lực lượng hỗ trợ cho công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư; áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh Lào Cai. Kết quả là ngày càng có nhiều NĐT, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước quan tâm, đến khảo sát, tìm hiểu cơ hội và thực hiện đầu tư trên địa bàn, số lượng và quy mô dự án tăng dần qua các năm. Trong đó, có một số dự án lớn, giải quyết nhiều

việc làm cho lao động, tăng thu ngân sách, góp phần chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh. Tuy nhiên, kết quả và hiệu quả thu hút đầu tư vẫn chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra, chưa phát huy tối đa tiềm năng của tỉnh. Số lượng dự án và quy mô vốn đăng ký còn thấp; chưa thu hút được các dự án lớn tạo sự đột phá và có sức lan tỏa, chưa có nhiều các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, chiếm ít diện tích, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

**Ba là**, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những hạn chế thu hút và sử dụng nguồn vốn đầu tư của tỉnh Lào Cai là do môi trường đầu tư của tỉnh chưa thật sự tốt, chưa chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết đảm bảo cho NĐT vào thực hiện dự án một cách có hiệu quả như: kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng quy hoạch chưa cao, công tác giải phóng mặt bằng chậm, thiếu mặt bằng sạch cho các dự án; công tác thanh kiểm tra, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho NĐT chưa kịp thời. Đặc biệt, TTHC đầu tư rườm rà, tốn nhiều thời gian chi phí của NĐT và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) có xu hướng giảm.

**Bốn là**, trên cơ sở phân tích đánh giá thực trạng nhóm tác giả đề xuất 7 nhóm giải pháp nhằm thu hút và sử dụng vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai: Tăng cường công tác chỉ đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị vào cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, đặc biệt là CCHC có hiệu quả thuyết phục; Nhóm giải pháp về quy hoạch, cơ chế, chính sách; Nhóm giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; Phát triển cơ sở hạ tầng; Nhóm giải pháp về hỗ trợ NĐT; Nhóm giải pháp tăng khả năng tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh; Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BCH Tỉnh ủy Lào Cai (năm), *Nghị quyết số 03/NQ-TU của BCH Tỉnh ủy về Chương trình xúc tiến đầu tư gắn với phát triển nguồn thu ngân sách.*
2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai (2011), *Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phát triển du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2020.*
3. Ban quản lý các KCN và Thu hút đầu tư Lào Cai (2019), *Báo cáo tổng kết công tác quản lý các khu công nghiệp và các cửa khẩu năm 2018; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.*
4. Bộ kế hoạch đầu tư (2016), Giới thiệu khái quát về tỉnh Lào Cai, <http://timhieuvietnam.info/vn/news/gioi-thieu-khai-quat-ve-tinh-lao-cai.html>, cập nhật ngày 05-03-2016.
5. Chính phủ (2014), *Quyết định số 03/2014/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ V/v ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư.*
6. Chính phủ (2015), *Quyết định 1636/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể phát triển KT - XH tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*
7. Cổng thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (2017), Lào Cai vài nét tổng quan, <http://dantocmiennui.vn/xa-hoi/lao-cai-vai-net-tong-quan/171849/html>, đăng 03/3/2017.
8. Nguyễn Thị Giang (2010), *Thu hút và sử dụng vốn đầu tư để phát triển kinh tế khu vực đồng bằng Sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ – Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh năm 2010.
9. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2000), *Giáo trình chính sách kinh tế - xã hội*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Hải (2014), *Cơ sở lý luận và thực tiễn về hành chính quốc gia nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. M.H (2018), Nhanh chóng nắm bắt cơ hội mới ở tỉnh Thái Nguyên, <http://baoquocte.vn/nhanh-chong-nam-bat-co-hoi-moi-o-thai-nguyen-73454.html>, đăng 16:00, 28/06/2018.
12. Trần Quang Lâm (2004) “Xu thế biến đổi kinh tế toàn cầu trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương*, 39(40).
13. Chi cục Thống kê tỉnh Lào Cai (2017), *Niên giám thống kê tỉnh Lào Cai*.
14. Bùi Xuân Phong (2006), *Quản trị dự án đầu tư*, Nxb Học viện bưu chính viễn thông, Hà Nội.
15. Từ Quang Phương, Phạm Quang Hùng (2012), *Giáo trình Kinh tế đầu tư*, Nxb Trường Đại học kinh tế quốc dân.
16. Ngọc Sơn (2018), Chính quyền thân thiện đồng hành cùng nhà đầu tư, <http://baothainguyen.com.vn/tin-tuc/phong-van-doi-thoai/chinh-quyen-than-thien-dong-hanh-cung-nha-dau-tu-254993-46237.html>, Cập nhật ngày: 07/06/2018 14:24 (GMT +7)].
17. Sở Kế hoạch và đầu tư Lào Cai (2017), *Báo cáo đánh giá tình hình thu hút đầu tư giai đoạn 2011-2016, phương án triển khai trong thời gian tới*.
18. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai (2017), *Báo cáo thực trạng thu hút và sử dụng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai*.
19. Trương Đoàn Thế (2004), *Hoàn thiện quản lý nhà nước các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Hà Nội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Vũ Công Tuấn (2010), *Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư*, Nxb Thống kê.
21. Diệu Trang (2019), Khai mạc hội nghị xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Lào Cai, <https://cafeland.vn/su-kien/khai-mac-hoi-nghi-xuc-tien-dau-tu-thuong-mai-va-du-lich-tinh-lao-cai-81186.html>, Cập nhật ngày:27/08/2019, 13:12 GMT +7.

22. UBND tỉnh Thái Nguyên (2010), *Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 15/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các KCN Thái Nguyên.*
23. UBND tỉnh Lào Cai (2012), *Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 18/3/2012 của UBND tỉnh về thành lập tổ hỗ trợ doanh nghiệp về TTHC trong lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh.*
24. UBND tỉnh Lào Cai (2013), *Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 26/4/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu hút và hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai.*
25. UBND tỉnh Lào Cai (2013), *Quyết định số 56/2013/QĐ-UBND Ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi công nghiệp, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014 -2015.*
26. UBND tỉnh Lào Cai (2017), *Quyết định số 3419/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh về Phê duyệt kết quả sơ tuyển chọn NĐT thực hiện dự án : Khu đô thị Mường Hoa, Sa Pa.*
27. UBND tỉnh Lào Cai (2017), *Quyết định 3601/QĐ-UBND; Quyết định 5557/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2017.*
28. UBND tỉnh Lào Cai (2015), *Quyết định 2284/QĐ-UBND tỉnh Lào Cai ngày 24 tháng 7 năm 2015 về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.*
29. UBND tỉnh Lào Cai (2017), *Báo cáo Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2016; Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2017.*
30. UBND tỉnh Lào Cai (2018), *Báo cáo Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2017; Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2018.*

**Phụ lục 1**  
**PHIẾU KHẢO SÁT**  
**(Dành cho cơ quan quản lý nhà nước)**

Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học: "**Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai**", nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát lấy ý kiến của lãnh đạo quản lý nhà nước/chuyên gia để phục vụ cho nội dung nghiên cứu. Thông tin Quý anh/chị cung cấp sẽ giúp cho nhóm nghiên cứu đề xuất chính sách cho thu hút và sử dụng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Thông tin Quý anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

*Anh/chị vui lòng ghi thông tin theo hướng dẫn dưới đây:*

**1. Đơn vị công tác (ghi rõ):** .....

**2. Chức vụ đang đảm nhiệm:**

- Giám đốc                       Phó giám đốc                       Trưởng phòng  
 Phó trưởng phòng                       Chuyên viên                       Khác (ghi rõ):

**3. Lĩnh vực quản lý:** .....

**4. Thâm niên công tác:**

- dưới 5 năm                       5-10 năm                       10 – 15 năm                       trên 15 năm

**5. Trình độ chuyên môn:**

- GS/PGS                       TS/TSKH                       Thạc sỹ  
 Đại học                       Cao đẳng                       Khác (ghi rõ):

**B. THÔNG TIN KHẢO SÁT**

*Anh/chị hãy tích vào thang điểm với các câu hỏi gợi ý dưới đây. Thang điểm từ 1 đến 5 (trong đó: 1 thấp nhất; 5 cao nhất).*

TT	Nội dung	Thang điểm				
		①	②	③	④	⑤
<b>1</b>	<b>Chính sách</b>					
1.1	Chính sách thu hút đầu tư ổn định theo hướng có lợi cho nhà đầu tư	①	②	③	④	⑤
1.2	Thông tin chính sách công khai và minh bạch	①	②	③	④	⑤
1.3	Thông tin chính sách đầu tư dễ dàng tiếp cận trên Internet, Website...	①	②	③	④	⑤

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thang điểm</b>				
1.4	Hướng dẫn thủ tục đầu tư đầy đủ, dễ hiểu, rõ ràng	①	②	③	④	⑤
1.5	Thời gian trả kết quả nhanh gọn, đúng trình tự	①	②	③	④	⑤
1.6	Chính sách quy định về thuế, lệ phí, thuê đất...phù hợp và ổn định	①	②	③	④	⑤
1.7	Phân cấp quản lý rõ ràng	①	②	③	④	⑤
1.8	Quyết định chính quyền nhanh chóng, hiệu quả, hiệu lực	①	②	③	④	⑤
<b>2</b>	<b>Hệ thống hạ tầng - kĩ thuật</b>					
2.1	Hệ thống giao thông	①	②	③	④	⑤
2.2	Hệ thống cấp điện, nước	①	②	③	④	⑤
2.3	Hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông (mạng di động, Internet, bưu điện...)	①	②	③	④	⑤
2.4	Hệ thống y tế, bệnh viện	①	②	③	④	⑤
2.5	Hệ thống phòng chống cháy nổ	①	②	③	④	⑤
2.6	Hệ thống tài chính ngân hàng	①	②	③	④	⑤
2.7	Hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	①	②	③	④	⑤
2.8	Hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo	①	②	③	④	⑤
<b>3</b>	<b>Vị trí địa lý – tiềm năng – lợi thế</b>					
3.1	Vị trí trung tâm của khu vực (vận chuyển; giao thương...)	①	②	③	④	⑤
3.2	Vị trí gần cửa ngõ kinh tế (cảng hàng không; cảng đường thủy; cửa khẩu, ga tàu liên vận...)	①	②	③	④	⑤
3.3	Kinh tế của tỉnh phát triển ổn định	①	②	③	④	⑤
3.4	Thị trường ổn định, tốc độ phát triển nhanh	①	②	③	④	⑤
3.5	Tài nguyên dồi dào	①	②	③	④	⑤
3.6	Chi phí cho đầu tư phù hợp	①	②	③	④	⑤
<b>4</b>	<b>Nguồn nhân lực</b>					
4.1	Lao động phổ thông dồi dào	①	②	③	④	⑤
4.2	Lao động qua đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất	①	②	③	④	⑤
4.3	Chi phí thuê lao động phù hợp	①	②	③	④	⑤
4.4	Dễ dàng tuyển dụng lao động	①	②	③	④	⑤

### **C. HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

5. Theo anh/chị vốn đầu tư được sử dụng có đóng góp đối với kinh tế của tỉnh ở các mặt nào sau đây:

a. Đối với ngân sách

c. Đối với hoạt động xuất khẩu

b. Đối với việc làm

d. Đối với cơ cấu ngành nghề

6. Theo anh/chị vốn đầu tư được sử dụng vào lĩnh vực nào sau đây sẽ đem lại hiệu quả cao nhất:

a. Công nghiệp

c. Thương mại dịch vụ

*b. Xây dựng**d. Nông nghiệp*

7. Theo anh/chị, vốn đầu tư đang được sử dụng hiệu quả thuộc các dự án đầu tư/nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp/tổ chức nào sau đây:

*a. 100% vốn nước ngoài*

*c. Trong nước*

*b. Liên doanh/liên danh/liên kết*

*d. Khác:*

8. Theo anh/chị, yếu tố nào ảnh hưởng đến việc thu hút và sử dụng vốn đầu tư (sử dụng thang điểm từ 1 đến 5, trong đó: 1 - ảnh hưởng ít nhất và 5 - ảnh hưởng nhiều nhất)

TT	Nội dung	Thang điểm				
		①	②	③	④	⑤
<b>I</b>	<b>Thu hút</b>					
1.1	Vị trí địa lý	①	②	③	④	⑤
1.2	Chính sách ưu đãi	①	②	③	④	⑤
1.3	Điều kiện tự nhiên	①	②	③	④	⑤
1.4	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật	①	②	③	④	⑤
1.5	Hoạt động xúc tiến	①	②	③	④	⑤
1.6	Nguồn nhân lực	①	②	③	④	⑤

TT	Nội dung	Thang điểm				
		①	②	③	④	⑤
<b>II</b>	<b>Sử dụng vốn</b>					
2.1	Cơ chế quản lý	①	②	③	④	⑤
2.2	Cơ chế giám sát	①	②	③	④	⑤
2.3	Trình độ quản lý	①	②	③	④	⑤
2.4	Trình độ nguồn lực lao động	①	②	③	④	⑤
2.5	Tính minh bạch và công khai	①	②	③	④	⑤
2.6	Lĩnh vực đầu tư	①	②	③	④	⑤



**Phụ lục 2**  
**PHIẾU KHẢO SÁT**  
**(Dành cho Nhà đầu tư/Doanh nghiệp)**

Trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu khoa học: "**Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào tỉnh Lào Cai**", nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát lấy ý kiến của lãnh đạo quản lý/chuyên gia/nhà đầu tư để phục vụ cho nội dung nghiên cứu. Thông tin Quý công ty cung cấp sẽ giúp cho nhóm nghiên cứu đề xuất chính sách cho thu hút và sử dụng vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Thông tin Quý công ty cung cấp sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

**A. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

**1. Tên doanh nghiệp:**

**2. Năm thành lập:**

**3. Năm bắt đầu hoạt động:**

**4. Loại hình doanh nghiệp**

- |   |   |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Công ty cổ phần      | <input type="checkbox"/> Công ty TNHH/TNHH 1 thành viên |
| <input type="checkbox"/> Công ty liên doanh   | <input type="checkbox"/> Công ty hợp danh               |
| <input type="checkbox"/> Doanh nghiệp tư nhân | <input type="checkbox"/> Khác                           |

**5. Nguồn vốn đầu tư**

- |  |  |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> 100% vốn trong nước | <input type="checkbox"/> 100% vốn nước ngoài |
| <input type="checkbox"/> Liên doanh          | <input type="checkbox"/> 50% vốn nhà nước    |
| <input type="checkbox"/> Khác                |  |

**6. Lĩnh vực hoạt động**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Công nghiệp/chế tạo   | <input type="checkbox"/> Dịch vụ/Thương mại |
| <input type="checkbox"/> Xây dựng/Bất động sản | <input type="checkbox"/> Khai khoáng        |
| <input type="checkbox"/> Nông lâm nghiệp       | <input type="checkbox"/> Giáo dục/y tế      |
| <input type="checkbox"/> Khác                  |   |

**7. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 2 năm gần đây**

- |                                 |                                  |                                  |
|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Có lãi | <input type="checkbox"/> Thua lỗ | <input type="checkbox"/> Hòa vốn |
|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|

**B. THÔNG TIN KHẢO SÁT**

*Anh/chị hãy tích vào thang điểm với các câu hỏi gợi ý dưới đây. Thang điểm từ 1 đến 5 (trong đó: 1 thấp nhất; 5 cao nhất).*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thang điểm</b>				
<b>1</b>	<b>Chính sách</b>					
1.1	Chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư	①	②	③	④	⑤
1.2	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin về thu hút đầu tư (dễ dàng, kịp thời)	①	②	③	④	⑤
1.3	Nội dung thông tin thu hút đầu tư (mức độ đầy đủ, rõ ràng, cập nhật)	①	②	③	④	⑤
1.4	Thông tin thu hút đầu tư được đăng tải công khai trên Internet, website...	①	②	③	④	⑤
1.5	Thời gian trả kết quả nhanh chóng	①	②	③	④	⑤
1.6	Chính sách hỗ trợ thuế, lệ phí phù hợp	①	②	③	④	⑤
1.7	Lãnh đạo cơ quan quản lý nhà nước năng động, sáng tạo, am hiểu chính sách	①	②	③	④	⑤
1.8	Lãnh đạo cơ quan quản lý thường xuyên tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, ứng xử thân thiện	①	②	③	④	⑤
1.9	Cán bộ nhân viên hướng dẫn đầy đủ, nhiệt tình, thân thiện	①	②	③	④	⑤
<b>2</b>	<b>Hệ thống hạ tầng - kĩ thuật</b>					
2.1	Hệ thống giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không...)	①	②	③	④	⑤
2.2	Hệ thống điện, nước	①	②	③	④	⑤
2.3	Hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông (mạng di động, Internet, bưu điện...)	①	②	③	④	⑤
2.4	Hệ thống y tế, bệnh viện	①	②	③	④	⑤
2.5	Hệ thống phòng chống cháy nổ	①	②	③	④	⑤
2.6	Hệ thống tài chính ngân hàng	①	②	③	④	⑤
2.7	Hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường	①	②	③	④	⑤
2.8	Hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo	①	②	③	④	⑤
<b>3</b>	<b>Vị trí địa lý – tiềm năng – lợi thế</b>					
3.1	Vị trí trung tâm của khu vực (vận chuyển; giao thương...)	①	②	③	④	⑤
3.2	Vị trí gần cửa ngõ kinh tế (cảng hàng không; cảng đường thủy; cửa khẩu, ga tàu liên vận...)	①	②	③	④	⑤
3.3	Kinh tế của tỉnh phát triển ổn định	①	②	③	④	⑤
3.4	Thị trường ổn định, tốc độ phát triển nhanh	①	②	③	④	⑤
3.5	Tài nguyên dồi dào	①	②	③	④	⑤
3.6	Chi phí cho đầu tư phù hợp	①	②	③	④	⑤
<b>4</b>	<b>Nguồn nhân lực</b>					
4.1	Lao động phổ thông dồi dào	①	②	③	④	⑤
4.2	Lao động qua đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất	①	②	③	④	⑤
4.3	Chi phí thuê lao động phù hợp	①	②	③	④	⑤
4.4	Dễ dàng tuyển dụng lao động	①	②	③	④	⑤

C. Theo Quý công ty, để tăng cường thu hút đầu tư cần giải pháp nào sau đây (thang điểm theo mức độ quan trọng, 1 – Hoàn toàn không quan trọng và 5 – Rất quan trọng)

TT	Nội dung	Thang điểm				
		①	②	③	④	⑤
1	Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng					
2	Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư					
3	Hoàn thiện quy hoạch					
4	Phát triển công nghiệp hỗ trợ					
5	Cải cách thủ tục hành chính					
6	Phát triển nguồn nhân lực					
7	Giải pháp khác:					